

TRƯỜNG.....  
KHOA.....



# Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam





# CHƯƠNG I

## SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (1920-1930)

### I. Tình hình thế giới và Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

#### 1. Tình hình thế giới và ảnh hưởng của nó đối với Việt Nam

- Từ nửa sau thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản phương Tây chuyển nhanh từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền.

- Nền kinh tế hàng hóa phát triển mạnh, đặt ra yêu cầu bức thiết về thị trường. Đó chính là nguyên nhân sâu xa dẫn tới những cuộc chiến tranh xâm lược các quốc gia phong kiến phương Đông, biến các quốc gia này thành thị trường tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, mua bán nguyên vật liệu, khai thác sức lao động và xuất khẩu tư bản của các nước đế quốc.

- Đầu thế kỷ XX, trên phạm vi quốc tế, sự thức tỉnh của các dân tộc châu Á cùng với phong trào dân chủ tư sản ở Đông Âu bắt đầu từ Cách mạng 1905 ở Nga đã tạo thành một cao trào thức tỉnh của các dân tộc phương Đông.

- Năm 1917, Cách mạng Tháng Mười Nga thành công. Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười, chủ nghĩa Mác – Lênin trở thành hiện thực và được truyền bá rộng rãi khắp nơi, dẫn đến sự ra đời của các đảng cộng sản ở nhiều nước tư bản chủ nghĩa và thuộc địa.

- Tháng 3-1919, Quốc tế Cộng sản được thành lập.

- Tình hình thế giới đầy biến động đó đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến Việt Nam.

#### 2. Sự chuyển biến về kinh tế, xã hội Việt Nam

- Từ năm 1897, thực dân Pháp tiến hành chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất.

- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), để bù đắp những tổn thất do chiến tranh gây ra, thực dân Pháp vừa tăng cường bóc lột trong nước, vừa đẩy mạnh khai thác thuộc địa. Ở Đông Dương, chúng tiến hành chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Đông Dương với số vốn đầu tư trên quy mô lớn, tốc độ nhanh.

- Do sự du nhập của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, tình hình kinh tế Việt Nam có sự biến đổi.

+ *Về chính trị*, chúng tiếp tục thi hành chính sách chuyên chế với bộ máy đàn áp nặng nề.

+ *Về văn hóa*, chúng thi hành triệt để chính sách văn hóa nô dịch, gây tâm lý tự ti, vong bản, khuyến khích các hoạt động mê tín dị đoan, đồi phong bại tục.

- Các cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ảnh hưởng mạnh mẽ đến tình hình xã hội Việt Nam. Sự phân hoá giai cấp diễn ra ngày càng sâu sắc hơn.

+ *Giai cấp địa chủ phong kiến* đã tồn tại hơn ngàn năm, do chính sách kinh tế và chính trị phản động của thực dân Pháp, giai cấp địa chủ càng bị phân hóa thành ba bộ phận khá rõ rệt: tiểu, trung và đại địa chủ.

+ *Giai cấp nông dân* chiếm khoảng 90% dân số. Họ bị đế quốc, phong kiến địa chủ và tư sản áp bức, bóc lột rất nặng nề. Giai cấp nông dân có truyền thống đấu tranh kiên cường bất khuất là lực lượng to lớn nhất, một động lực cách mạng mạnh mẽ.

+ *Giai cấp tư sản* hình thành trong quá trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp. Trong quá trình phát triển, giai cấp tư sản Việt Nam phân thành hai bộ phận:

*Tư sản mại bản* là những tư sản lớn, hợp tác kinh doanh với đế quốc, bao thầu những công trình xây dựng của chúng ở nước ta. Nhiều tư sản mại bản có đồn điền lớn hoặc có nhiều ruộng đất cho phát canh, thu tô. Vì có quyền lợi kinh tế và chính trị gắn liền với đế quốc thực dân, nên tư sản mại bản là tầng lớp đối lập với dân tộc.

*Tư sản dân tộc* là bộ phận đông nhất trong giai cấp tư sản, bao gồm những tư sản loại vừa và nhỏ.

+ *Giai cấp tiểu tư sản* bao gồm nhiều bộ phận khác nhau: tiểu thương, tiểu chủ, thợ thủ công, viên chức, trí thức, học sinh, sinh viên và những người làm nghề tự do.

Địa vị kinh tế của họ rất bấp bênh, luôn luôn bị đe dọa phá sản, thất nghiệp.

Họ có tinh thần yêu nước nồng nàn, lại bị đế quốc và phong kiến áp bức, bóc lột và khinh rẻ nên rất hăng hái cách mạng.

Giai cấp tiểu tư sản là một lực lượng cách mạng quan trọng trong cuộc đấu tranh vì độc lập tự do của dân tộc.

+ *Giai cấp công nhân* là sản phẩm trực tiếp của chính sách khai thác thuộc địa của Pháp và nằm trong những mạch máu kinh tế quan trọng do chúng nắm giữ.

Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của đế quốc Pháp, giai cấp công nhân đã hình thành. Đến cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai, giai cấp công nhân đã phát triển nhanh chóng về số lượng, từ 10 vạn (năm 1914) tăng lên hơn 22 vạn (năm 1929).

Giai cấp công nhân Việt Nam tuy còn non trẻ, số lượng chỉ chiếm khoảng 1% số dân, trình độ học vấn, kỹ thuật thấp, nhưng sống khá tập trung tại các thành phố, các trung tâm công nghiệp và các đồn điền.

Giai cấp công nhân Việt Nam có những đặc điểm chung của giai cấp công nhân quốc tế, đồng thời còn có những điểm riêng của mình.

Giai cấp công nhân Việt Nam là một lực lượng xã hội tiên tiến, đại diện cho phương thức sản xuất mới, tiến bộ, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, có tinh thần cách mạng triệt để, lại mang bản chất quốc tế. Họ là một động lực cách mạng mạnh mẽ và

khi liên minh được với giai cấp nông dân và tiểu tư sản sẽ trở thành cơ sở vững chắc cho khối đại đoàn kết dân tộc trong cuộc đấu tranh vì độc lập tự do.

*Tóm lại*, chính sách thống trị của thực dân Pháp đối với Việt Nam và cả Đông Dương nói chung là một chính sách thống trị chuyên chế về chính trị, bóc lột nặng nề về kinh tế nhằm đem lại lợi nhuận tối đa về kinh tế, kìm hãm và nô dịch về văn hóa, giáo dục, chứ không phải đem đến cho nhân dân một sự "khai hoá văn minh".

## II. Các phong trào yêu nước Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

### 1. Các phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến và tư sản

- *Cuối thế kỷ XIX*, mặc dù triều đình phong kiến nhà Nguyễn ký các Hiệp ước Acmang (Harmand) năm 1883 và Patonôt (Patenôtre) năm 1884, đầu hàng thực dân Pháp, song phong trào chống thực dân Pháp xâm lược vẫn diễn ra. Phong trào *Cần Vương* (1885-1896), một phong trào đấu tranh vũ trang do Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết phát động, đã mở cuộc tiến công trại lính Pháp ở cạnh kinh thành Huế (1885).

- Tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa: *Ba Đình* của Phạm Bành và Đinh Công Tráng (1881-1887), *Bãi Sậy* của Nguyễn Thiện Thuật (1883-1892) và *Hương Khê* của Phan Đình Phùng (1885-1895).

- *Đầu thế kỷ XX*, Phan Bội Châu chủ trương dựa vào sự giúp đỡ bên ngoài, chủ yếu là Nhật Bản, để đánh Pháp giành độc lập dân tộc, thiết lập một nhà nước theo mô hình quân chủ lập hiến của Nhật. Ông lập ra Hội Duy Tân (1904), tổ chức phong trào Đông Du (1906-1908).

- Phan Châu Trinh chủ trương dùng những cải cách văn hóa, mở mang dân trí, nâng cao dân khí, phát triển kinh tế theo hướng tư bản chủ nghĩa trong khuôn khổ hợp pháp, làm cho dân giàu, nước mạnh, buộc thực dân Pháp phải trao trả độc lập cho nước Việt Nam.

Do những hạn chế về lịch sử, về giai cấp, nên Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, cũng như các sĩ phu cấp tiến lãnh đạo phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX không thể tìm được một phương hướng giải quyết chính xác cho cuộc đấu tranh giải phóng của dân tộc, nên chỉ sau một thời kỳ phát triển đã bị kẻ thù dập tắt.

- *Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất* mặc dù còn nhiều hạn chế về số lượng, về thế lực kinh tế và chính trị, nhưng với tinh thần dân tộc, dân chủ, giai cấp tư sản Việt Nam đã bắt đầu vươn lên vũ đài đấu tranh.

- Năm 1919-1923, *Phong trào quốc gia cải lương* của bộ phận tư sản và địa chủ lớp trên đã diễn ra bằng việc vận động chấn hưng nội hoá bài trừ ngoại hoá; chống độc quyền thương cảng Sài Gòn; chống độc quyền khai thác lúa gạo ở Nam Kỳ .

- Năm 1925-1926 đã diễn ra *Phong trào yêu nước dân chủ công khai* của tiểu tư sản thành thị và tư sản lớp dưới.

- Năm 1927-1930 Phong trào cách mạng quốc gia tư sản gắn liền với sự ra đời và hoạt động của Việt Nam Quốc dân Đảng (25-12-1927).

- Ngày 9-2-1929, một số đảng viên của Việt Nam Quốc dân Đảng ám sát tên trùm mộ phu Badanh (Bazin) tại Hà Nội. Thực dân Pháp điên cuồng khủng bố phong trào yêu nước.

- Ngày 9-2-1930, cuộc khởi nghĩa Yên Bái bùng nổ, trung tâm là thị xã Yên Bái với cuộc tiến công trại lính Pháp của quân khởi nghĩa.

Khởi nghĩa Yên Bái nổ ra khi chưa có thời cơ, vì thế nó nhanh chóng bị thực dân Pháp dập trong biển máu.

Nhìn chung, các phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản ở Việt Nam đã diễn ra liên tục, sôi nổi, lôi cuốn đông đảo quần chúng tham gia với những hình thức đấu tranh phong phú, thể hiện ý thức dân tộc, tinh thần chống đế quốc của giai cấp tư sản Việt Nam, nhưng cuối cùng đều thất bại vì giai cấp tư sản Việt Nam rất nhỏ yếu cả về kinh tế và chính trị nên không đủ sức giương cao ngọn cờ lãnh đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Mặc dù thất bại nhưng các phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản đã góp phần cổ vũ mạnh mẽ tinh thần yêu nước của nhân dân ta, bồi đắp thêm cho chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, đặc biệt góp phần thúc đẩy những nhà yêu nước, nhất là lớp thanh niên trí thức có khuynh hướng dân chủ tư sản chọn lựa một con đường mới, một giải pháp cứu nước, giải phóng dân tộc theo xu thế của thời đại và nhu cầu mới của nhân dân Việt Nam.

## **2. Nguyễn Ái Quốc tìm đường giải phóng dân tộc và phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản**

- Nguyễn Ái Quốc hồi nhỏ có tên là Nguyễn Sinh Cung, sau đó đổi tên là Nguyễn Tất Thành. Sinh ngày 19/5/1890 tại làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Cha là Nguyễn Sinh Sắc, mẹ là Hoàng Thị Loan.

- Ngày 5 tháng 6 năm 1911, Nguyễn Ái Quốc với tên gọi là Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước.

- Năm 1917, cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi làm chấn động địa cầu. Với sự nhạy cảm chính trị, đặc biệt Người đã bước đến ánh sáng của cách mạng tháng Mười Nga và chịu sự ảnh hưởng của tư tưởng cách mạng vĩ đại đó.

- Năm 1919, Người thay mặt những người Việt Nam yêu nước sống ở Pháp, Người lấy tên là Nguyễn Ái Quốc đưa đến hội nghị Vecxai bản yêu sách đòi quyền tự do dân chủ và bình đẳng cho dân tộc Việt Nam.

- Tháng 7/1920, Nguyễn Ái Quốc đọc bản sơ thảo lần thứ nhất về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lê Nin. Bản luận cương đáp ứng đúng nguyện vọng tha thiết mà Người đang ấp ủ: “*độc lập cho tổ quốc, tự do cho đồng bào*”.

- Tháng 12/1920, tại Đại hội của Đảng Xã hội Pháp, Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành gia nhập quốc tế thứ III và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Sự kiện đó đã đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động của Người, từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Cộng sản và đi theo con đường cách mạng vô sản.

- Năm 1921, Người đã cùng với một số chiến sĩ cách mạng ở nhiều nước thuộc địa của Pháp lập ra Hội liên hiệp các nước thuộc địa. Hội quyết định xuất bản tờ báo: “*Người cùng khổ*” (do Nguyễn Ái Quốc làm chủ bút).

- Năm 1922, Ban nghiên cứu thuộc địa được thành lập, Nguyễn Ái Quốc được cử làm trưởng tiểu ban nghiên cứu vấn đề Đông Dương.

- Tháng 6/1923, Nguyễn Ái Quốc rời Pháp sang Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế nông dân và được bầu vào Ban chấp hành.

- Tháng 1/1924, Nguyễn Ái Quốc rời Liên Xô về Quảng Châu – Trung Quốc. Tại đây, Người cùng các nhà cách mạng Trung Quốc, Triều Tiên, Ấn Độ, Thái Lan thành lập Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức.

- Tháng 6/1925, Người sáng lập ra Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, hạt nhân là Cộng sản đoàn, cơ quan tuyên truyền là tuần báo Thanh niên

### **3. Các tổ chức cộng sản ở Việt Nam**

- Đến năm 1929, phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ, đòi hỏi phải có sự lãnh đạo thống nhất của một đảng cách mạng. Yêu cầu khách quan đó tác động vào các tổ chức tiền cộng sản, dẫn đến cuộc đấu tranh nội bộ và sự phân hoá tích cực trong các tổ chức này, hình thành nên các tổ chức cộng sản ở Việt Nam.

- Phong trào Vô sản hoá (1928) của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên diễn ra mạnh nhất là ở Bắc Kỳ, làm cho phong trào cách mạng ở đây phát triển sôi nổi hơn, yêu cầu thành lập đảng cộng sản cũng xuất hiện sớm hơn. Cuối tháng 3-1929, một số phần tử tiên tiến họp ở nhà số 5 Đ, phố Hàm Long (Hà Nội) để thành lập chi bộ cộng sản đầu tiên, gồm 7 đảng viên, do Trần Văn Cung làm Bí thư. Chi bộ tích cực chuẩn bị để đi đến thành lập một đảng cộng sản thay thế cho Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

- Tháng 5-1929, tại Đại hội đại biểu của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên họp tại Hương Cảng đã xảy ra sự bất đồng giữa các đoàn đại biểu xung quanh việc xúc tiến thành lập đảng cộng sản. Đoàn đại biểu Bắc Kỳ do Ngô Gia Tự dẫn đầu kiên

quyết đấu tranh đòi thành lập ngay một đảng cộng sản. Yêu cầu đó không được chấp nhận, đoàn đại biểu Bắc Kỳ liền rút khỏi Đại hội về nước.

- Ngày 17-6-1929, tại nhà số 312 Khâm Thiên, Hà Nội, đại biểu các tổ chức cơ sở cộng sản ở miền Bắc họp Đại hội, quyết định thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng, thông qua Tuyên ngôn, Điều lệ, quyết định xuất bản báo Búa liềm và cử ra Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng.

- Trước nhu cầu của phong trào cách mạng và với sự ra đời của Đông Dương Cộng sản Đảng, một số hội viên tiên tiến trong bộ phận của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Trung Kỳ và Nam Kỳ vạch ra kế hoạch tổ chức đảng cộng sản. Ngày 25-7-1929, các đồng chí trong bộ phận Việt Nam Cách mạng Thanh niên hoạt động ở Trung Quốc gửi Đông Dương Cộng sản Đảng một bức thư thông báo rằng họ quyết định lập một đảng cộng sản bí mật, còn ""Thanh niên"... giữ nguyên để cải tổ dần...". Một số hội viên giác ngộ nhất của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên hoạt động ở Trung Quốc được tổ chức thành một chi bộ với danh nghĩa chi bộ của An Nam Cộng sản Đảng. Một số chi bộ cộng sản lần lượt thành lập ở Nam Kỳ. Theo Hồng Thế Công, An Nam Cộng sản Đảng ra đời vào tháng 8 năm 1929 và khoảng tháng 11-1929, An Nam Cộng sản Đảng họp Đại hội tại Sài Gòn để thông qua đường lối chính trị, Điều lệ Đảng và lập Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

- Tuy hai tổ chức cộng sản trên hoạt động riêng rẽ, thậm chí còn công kích lẫn nhau, song từ sự ra đời Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đến sự xuất hiện các tổ chức cộng sản là một xu thế phát triển khách quan của phong trào cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ.

- Cùng với sự phân hoá trong Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Tân Việt cách mạng Đảng cũng có sự chuyển biến mạnh mẽ.

- Tân Việt cách mạng Đảng ra đời là kết quả của sự phân hoá nội bộ các nhóm tiểu tư sản yêu nước trong cuộc đấu tranh giữa hai đường lối cách mạng vô sản và tư sản trong phong trào dân tộc Việt Nam. Tiền thân của Tân Việt cách mạng Đảng là Hội Phục Việt (1925), đổi thành Hội Hưng Nam (1926). Để giao thiệp với Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, tháng 7-1926 Hội Hưng Nam đổi thành Việt Nam cách mạng Đảng, rồi Việt Nam cách mạng đồng chí Hội (7-1927). Trong khoảng thời gian 1926-1928, nhiều lần Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và Việt Nam cách mạng Đảng bàn việc hợp nhất nhưng không đi đến kết quả. Vì thế, ngày 14-7-1928 Việt Nam cách mạng đồng chí Hội họp Đại hội ở Huế, quyết định tổ chức ra một đảng "tự lập" lấy tên là Tân Việt cách mạng Đảng. Tân Việt ra đời và hoạt động trong điều kiện Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ngày càng phát triển, lý luận Mác - Lênin và tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc có ảnh hưởng mạnh mẽ đến Tân Việt,



cuốn hút nhiều đảng viên trẻ, tiên tiến đi theo Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Trong nội bộ Tân Việt đã diễn ra cuộc đấu tranh giữa hai khuynh hướng tư tưởng cách mạng và cải lương, cuối cùng xu hướng cách mạng theo quan điểm vô sản chiếm ưu thế. Một số đảng viên tiên tiến của Tân Việt đã ngả sang Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Số tiên tiến còn lại chuẩn bị để tiến tới thành lập một chính đảng kiểu mới theo chủ nghĩa Mác - Lênin.

- Sự ra đời của Đông Dương cộng sản Đảng (6-1929) và An Nam cộng sản Đảng (8-1929) tác động mạnh mẽ đến sự phân hoá trong Tân Việt, những đảng viên tiên tiến đã tách ra thành lập các chi bộ cộng sản.

- Tháng 9-1929, họ công bố Tuyên dạt, nêu rõ "những người giác ngộ cộng sản chân chính trong Tân Việt Cách mệnh Đảng trình trọng tuyên ngôn cùng toàn thể đảng viên Tân Việt Cách mệnh Đảng, toàn thể thợ thuyền dân cày và lao khổ biết rằng chúng tôi đã chánh thức lập ra Đông Dương Cộng sản Liên đoàn". Đây là một chính đảng cách mạng vô sản. Mục tiêu của đảng là đấu tranh giành độc lập hoàn toàn cho xứ Đông Dương, xóa bỏ nạn người bóc lột người, xây dựng chế độ công nông chuyên chính, tiến lên chế độ cộng sản chủ nghĩa. Theo kế hoạch, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn sẽ họp đại hội chính thức vào 1-1-1930 song trên đường đến địa điểm đại hội, các đại biểu đã bị địch bắt, song Đảng vẫn tích cực hoạt động.

- Chỉ trong bốn tháng ở Việt Nam có ba tổ chức cộng sản ra đời, điều đó chứng tỏ xu thế thành lập đảng cộng sản đã trở thành tất yếu của phong trào dân tộc ở Việt Nam. Các tổ chức cộng sản trên đã nhanh chóng xây dựng cơ sở ở nhiều địa phương trong cả nước và trực tiếp tổ chức, lãnh đạo cuộc đấu tranh của quần chúng. Phong trào công nhân kết hợp chặt chẽ với phong trào đấu tranh của nông dân chống sưu cao thuế nặng, chống cướp ruộng đất và phong trào bãi khóa của học sinh, bãi thị của tiểu thương, tạo thành một làn sóng đấu tranh cách mạng dân tộc, dân chủ khắp cả nước.

### **III. Hội nghị thành lập Đảng và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng**

#### **1. Hội nghị thành lập Đảng**

- Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam phát triển mạnh mẽ đòi hỏi phải có sự lãnh đạo của một đảng cộng sản thống nhất.

- Ngày 27-10-1929, Quốc tế Cộng sản gửi những người cộng sản ở Đông Dương tài liệu *Về việc thành lập một đảng cộng sản ở Đông Dương*,

- "Với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản có đầy đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng ở Đông Dương", Nguyễn Ái Quốc chủ động triệu tập "đại biểu của hai nhóm (Đông Dương và An Nam)" và chủ trì Hội nghị hợp nhất đảng tại Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc). Hội nghị bắt đầu họp ngày 6-1-1930.

- Hội nghị hoàn toàn nhất trí, tán thành việc hợp nhất hai tổ chức Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng thành một đảng duy nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam; thông qua *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt, Điều lệ vắn tắt* của Đảng.

- Sau Hội nghị hợp nhất, ngày 8-2-1930 các đại biểu về nước thực hiện kế hoạch hợp nhất các cơ sở đảng ở trong nước.

- Ngày 24-2-1930, theo yêu cầu của Đông Dương Cộng sản Liên đoàn, Ban Chấp hành Trung ương Lâm thời họp và ra *Quyết nghị chấp nhận Đông Dương Cộng sản Liên đoàn gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam*.

## 2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

- Hội nghị thành lập Đảng đã thông qua *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt* và *Điều lệ tóm tắt, Chương trình tóm tắt* do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Các văn kiện đó hợp thành Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng ta - Cương lĩnh Hồ Chí Minh.

- Nội dung cơ bản như sau:

Xác định *phương hướng chiến lược* của cách mạng Việt Nam là "làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản".

Xác định những *nhiệm vụ cụ thể của cách mạng*:

+ *Về chính trị*: đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến.

+ *Về kinh tế*: tịch thu toàn bộ các sản nghiệp lớn của bọn đế quốc giao cho Chính phủ công nông binh; tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc làm của công và chia cho dân cày nghèo.

+ *Về văn hóa xã hội*: dân chúng được tự do tổ chức, nam nữ bình quyền, phổ thông giáo dục theo hướng công nông hoá.

+ *Về lực lượng cách mạng*, Đảng chủ trương tập hợp đại bộ phận giai cấp công nhân, nông dân và phải dựa vào hạng dân cày nghèo, lãnh đạo nông dân làm cách mạng ruộng đất; lôi kéo tiểu tư sản, trí thức, trung nông. Đối với phú nông, trung tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (như Đảng Lập Hiến) thì phải đánh đổ.

+ *Lãnh đạo cách mạng* là giai cấp công nhân thông qua Đảng Cộng sản.

+ Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới.

- Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng là một cương lĩnh giải phóng dân tộc đúng đắn và sáng tạo theo con đường cách mạng Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại mới, đáp ứng yêu cầu khách quan của lịch sử, nhuần nhuyễn quan điểm giai cấp và thấm đượm tinh thần dân tộc vì độc lập tự do.

## 3. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đầu năm 1930 là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp ở Việt Nam trong thời đại mới.

- Đảng Cộng sản Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam được lịch sử giao cho sứ mệnh nắm quyền lãnh đạo duy nhất đối với cách mạng Việt Nam.

- Sự ra đời của Đảng với hệ thống tổ chức chặt chẽ và cương lĩnh cách mạng đúng đắn đã chấm dứt tình trạng khủng hoảng về lãnh đạo cách mạng kéo dài mấy chục năm đầu thế kỷ XX. "Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam ta. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng".

- Đảng ra đời làm cho cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới.

- Sự ra đời của Đảng là sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính chất quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt trong tiến trình lịch sử tiến hoá của dân tộc Việt Nam.

- Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, người Việt Nam yêu nước tiên tiến đã tìm được con đường giải phóng dân tộc đúng đắn, phù hợp với nhu cầu phát triển của dân tộc Việt Nam và xu thế của thời đại.

- Ngay từ ngày mới thành lập "Đảng ta liền giương cao ngọn cờ cách mạng, đoàn kết và lãnh đạo toàn dân ta tiến lên đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp.

## CHƯƠNG II

### QUÁ TRÌNH ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)

#### I. Phong trào cách mạng 1930 -1935

##### 1. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 10-1930. Luận cương chính trị của Đảng

- Sau Hội nghị thành lập Đảng, cương lĩnh và điều lệ của Đảng được bí mật đưa vào quần chúng. Phong trào cách mạng phát triển mạnh và tiến dần lên cao trào.

- Tháng 4-1930, sau khi tốt nghiệp Trường Đại học Phương Đông của Quốc tế cộng sản ở Mátxcova (Liên Xô), Trần Phú về nước hoạt động.

- Từ ngày 14 đến ngày 31-10-1930, Ban Chấp hành Trung ương họp Hội nghị lần thứ nhất tại Hương Cảng (Trung Quốc) do Trần Phú chủ trì đã quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương.

- Hội nghị đánh giá Chánh cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt của Đảng do Hội nghị họp nhất thông qua đã "chỉ lo đến việc phản đế mà quên mất lợi ích giai cấp tranh đấu", Ban Chấp hành Trung ương quyết định phải dựa vào nghị quyết của Quốc tế Cộng sản để hoạch định cương lĩnh, chính sách và kế hoạch của Đảng mà chỉnh đốn nội bộ.

- Hội nghị đã thảo luận Dự án *Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương*. Luận cương xác định:

+ Mâu thuẫn giai cấp ngày càng diễn ra gay gắt ở Việt Nam, Lào và Cao Miên.

+ Về phương hướng chiến lược của cách mạng, Luận cương nêu rõ tính chất của cách mạng Đông Dương lúc đầu là một cuộc "*cách mạng tư sản dân quyền*", "*có tính chất thổ địa và phản đế*". "*Tư sản dân quyền cách mạng là thời kỳ dự bị để làm xã hội cách mạng*". Sau khi cách mạng tư sản dân quyền thắng lợi sẽ tiếp tục "*phát triển, bỏ qua thời kỳ tu bổ mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa*".

+ Nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng tư sản dân quyền là phải "*tranh đấu để đánh đổ các di tích phong kiến, đánh đổ các cách bóc lột theo lối tiền tư bản và để thực hành thổ địa cách mạng cho triệt để*" và "*đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập*".

+ Về lực lượng cách mạng, Luận cương xác định giai cấp vô sản và nông dân là hai động lực chính của cách mạng tư sản dân quyền.

+ Về lãnh đạo cách mạng, Luận cương nhấn mạnh "Điều kiện cốt yếu cho sự thắng lợi của cách mạng ở Đông Dương là cần phải có một Đảng cộng sản có một đường chính trị đúng, có kỷ luật, tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng, và từng trải tranh đấu mà trưởng thành.

+ Về phương pháp cách mạng, Luận cương khẳng định để đạt được mục tiêu cơ bản của cuộc cách mạng là đánh đổ đế quốc và phong kiến, giành chính quyền về tay công nông thì phải ra sức chuẩn bị cho quần chúng về con đường "*võ trang bạo động*".

+ Cách mạng Đông Dương là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới.

+ Luận cương chính trị tháng 10-1930 đã vạch ra nhiều vấn đề cơ bản thuộc về chiến lược cách mạng.

- Tuy nhiên, do nhận thức giáo điều và máy móc về mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và giai cấp trong cách mạng thuộc địa, lại hiểu biết không đầy đủ về tình hình đặc điểm của xã hội, giai cấp và dân tộc ở Đông Dương, đồng thời chịu ảnh hưởng trực tiếp của khuynh hướng "tả" của Quốc tế Cộng sản và một số đảng cộng sản trong thời gian đó.

- Sau này trong quá trình lãnh đạo cách mạng, nhất là đến Hội nghị lần thứ VIII của Ban Chấp hành Trung ương (5-1941), Đảng đã khắc phục được những hạn chế đó và đưa cách mạng đến thành công.

## **2. Phong trào cách mạng những năm 1930-1935**

- Những năm 1929-1933, khi Liên Xô đang đạt được những kết quả lớn trong công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và phát triển kinh tế với tốc độ nhanh, thì ở các nước tư bản chủ nghĩa nổ ra một cuộc khủng hoảng kinh tế trên quy mô lớn. Thời kỳ tạm ổn của chủ nghĩa tư bản kết thúc.

- Cuộc khủng hoảng lan nhanh đến các nước thuộc địa và phụ thuộc, trong đó có Việt Nam. Thực dân Pháp lại tăng cường vơ vét, bóc lột để bù đắp những hậu quả của cuộc khủng hoảng ở chính quốc.

- Kể từ cuộc khởi nghĩa Yên Bái (2-1930) thực dân Pháp tiến hành một chiến dịch khủng bố ở khắp nơi, gây nên một không khí chính trị căng thẳng, mâu thuẫn giữa dân tộc ta với đế quốc Pháp và bè lũ tay sai phát triển gay gắt hơn.

- Giữa lúc đó Đảng Cộng sản Việt Nam đã xây dựng được hệ thống tổ chức thống nhất và cương lĩnh chính trị đúng đắn, đảm nhận sứ mệnh lãnh đạo cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta chống đế quốc và tay sai.

- Dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, phong trào đấu tranh của quần chúng trên đà phát triển từ năm 1929, đã bùng lên mạnh mẽ khắp cả ba miền: Bắc, Trung, Nam.

- Từ tháng 1 đến tháng 4-1930 là bước khởi đầu của phong trào. Nhiều cuộc bãi công của công nhân đã nổ ra liên tiếp ở nhà máy xi măng Hải Phòng, hãng dầu Nhà Bè (Sài Gòn), các đồn điền Phú Riềng, Dầu Tiếng, nhà máy dệt Nam Định, nhà máy diêm và nhà máy cưa Bến Thủy...

- Từ tháng 5-1930, phong trào phát triển thành cao trào. Ngày 1-5-1930, lần đầu tiên nhân dân ta kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động.

- Sau ngày 1-5, làn sóng đấu tranh tiếp tục dâng cao.

- Từ tháng 6 đến tháng 8-1930 đã nổ ra 121 cuộc đấu tranh trong đó có 22 cuộc của công nhân, 95 cuộc của nông dân. Nổi bật nhất là cuộc tổng bãi công của toàn thể công nhân khu công nghiệp Bến Thủy - Vinh (8-1930).

- Tháng 9-1930 phong trào cách mạng phát triển đến đỉnh cao với những hình thức đấu tranh quyết liệt. Cuộc biểu tình của 8.000 nông dân Hưng Nguyên ngày 12-9-1930 bị địch dùng máy bay ném bom giết chết 171 người. Riêng ở Nghệ An có 393 người bị giết trong 7 cuộc biểu tình. Như lửa đổ thêm dầu, phong trào cách mạng bùng lên dữ dội.

- Trước sức mạnh của quần chúng, bộ máy chính quyền của đế quốc và tay sai ở nhiều huyện bị tê liệt, ở nhiều xã bị tan rã. Trên thực tế trong các "khu đỏ" tự do đó, một chính quyền cách mạng của nông dân theo hình thức các uỷ ban tự quản theo kiểu Xôviết đã ra đời. Đó là những "Xôviết nông dân" do giai cấp công nhân lãnh đạo.

+ Về chính trị: ban bỏ các quyền tự do dân chủ cho nhân dân.

+ Về kinh tế: chia lại ruộng đất công một cách hợp lý.

+ Về văn hóa, xã hội: bài trừ mê tín dị đoan như bói toán, ma chay, xóa bỏ các tệ nạn cờ bạc, rượu chè, trộm cắp.

- Tuy mới thành lập ở một số xã, thời gian tồn tại ngắn ngủi song chính quyền Xôviết đã tỏ rõ bản chất cách mạng và tính ưu việt của nó. Đó thực sự là một chính quyền của dân, do dân, vì dân.

- Từ khi chính quyền Xôviết ra đời, cuộc đấu tranh giữa ta và địch diễn ra càng gay go và quyết liệt hơn.

- Từ đầu năm 1931, sự khủng bố của kẻ thù ngày càng dữ dội. Thêm vào đó, nạn đói xảy ra rất nghiêm trọng. Phong trào đấu tranh của quần chúng gặp nhiều khó khăn và giảm sút dần.

- Sự khủng bố ác liệt của kẻ địch đã làm cho phần lớn các cơ sở tổ chức của Đảng và quần chúng bị tan vỡ.

- Cao trào cách mạng 1930-1931, mà đỉnh cao là Xôviết Nghệ-Tĩnh là trận thử thách đầu tiên và toàn diện của quần chúng công nông dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, nhằm chống lại bọn đế quốc và phong kiến.

- Những năm 1931-1935 là một giai đoạn đấu tranh cực kỳ gian khổ nhằm chống khủng bố trắng, khôi phục hệ thống tổ chức của Đảng và phong trào cách mạng.

## II. Phong trào dân chủ 1936-1939

### 1. Nguy cơ chiến tranh của chủ nghĩa phátxít. Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản

- Hậu quả trầm trọng của cuộc khủng hoảng kinh tế trong những năm 1929-1933 và tình trạng tiêu điều tiếp theo trong các nước thuộc hệ thống tư bản chủ nghĩa

đã làm cho mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản thêm gay gắt và phong trào cách mạng của quần chúng dâng cao.

- Ở một số nước, giai cấp tư sản lũng đoạn không muốn duy trì nền thống trị bằng chế độ dân chủ tư sản đại nghị như cũ, nên đã âm mưu dùng bạo lực để đàn áp phong trào đấu tranh trong nước và ráo riết chạy đua vũ trang, chuẩn bị phát động một cuộc chiến tranh thế giới mới. Chủ nghĩa phátxít xuất hiện.

- Nguy cơ chủ nghĩa phát xít và chiến tranh thế giới đe dọa nghiêm trọng nền hòa bình và an ninh quốc tế.

- Trước tình hình đó, Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản họp tại Mátxcova (tháng 7/1935) dưới sự chủ trì của G. Đimitorốp. Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương do Lê Hồng Phong dẫn đầu.

- Đại hội xác định kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới chưa phải là chủ nghĩa đế quốc nói chung mà là chủ nghĩa phátxít.

- Để thực hiện nhiệm vụ cấp bách đó, giai cấp công nhân các nước trên thế giới phải thống nhất hàng ngũ của mình, lập mặt trận nhân dân rộng rãi chống phátxít và chiến tranh phátxít.

- Đại hội chỉ rõ đối với các nước thuộc địa và nửa thuộc địa, vấn đề lập mặt trận thống nhất chống đế quốc có tầm quan trọng đặc biệt.

- Chủ trương mới do Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản vạch ra phù hợp với yêu cầu chống chủ nghĩa phátxít và chiến tranh, nguy cơ lớn nhất đối với vận mệnh của các dân tộc lúc bấy giờ.

## 2. Chủ trương mới của Đảng

- Tháng 7-1936, Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Ban Chỉ huy ở ngoài họp Hội nghị tại Thượng Hải (Trung Quốc), dưới sự chủ trì của Lê Hồng Phong và Hà Huy Tập.

- Xuất phát từ đặc điểm tình hình Đông Dương và thế giới, vận dụng Nghị quyết Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản, Hội nghị xác định cách mạng ở Đông Dương vẫn là "cách mạng tư sản dân quyền.

- Hội nghị chỉ rõ kẻ thù trước mắt nguy hại nhất của nhân dân Đông Dương cần tập trung đánh đổ là bọn phản động thuộc địa và bè lũ tay sai của chúng, "lập Mặt trận nhân dân phản đế rộng rãi chính để bao gồm các giai cấp, các đảng phái, các đoàn thể chính trị và tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, các dân tộc ở xứ Đông Dương để cùng nhau tranh đấu để đòi những điều dân chủ đơn sơ".

- Hoàn cảnh mới, chủ trương mới đòi hỏi phải có một đường lối tổ chức mới. Vì vậy, Hội nghị chủ trương phải chuyển hình thức tổ chức bí mật không hợp pháp

sang các hình thức tổ chức và đấu tranh công khai, nửa công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp.

- Cùng với việc đề ra chủ trương mới để lãnh đạo nhân dân thành lập Mặt trận nhân dân rộng rãi, đấu tranh đòi các quyền dân chủ, dân sinh.
- Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào quần chúng từ giữa năm 1936 trở đi khẳng định sự chuyển hướng chỉ đạo cách mạng đúng đắn.
- Tháng 3-1938, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp hội nghị toàn thể nhấn mạnh vấn đề lập mặt trận thống nhất dân chủ, coi đây là nhiệm vụ trung tâm của Đảng trong giai đoạn hiện tại.
- Cuối năm 1938, từ Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc trở lại Trung Quốc. Người chú ý theo dõi và chỉ đạo phong trào cách mạng ở Đông Dương.
- Tháng 3-1939, Đảng ra bản *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản Đông Dương đối với thời cuộc*, nêu rõ họa phátxít đang đến gần.
- Tháng 7 năm 1939, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ cho xuất bản tác phẩm *Tự chỉ trích*, nhằm rút kinh nghiệm về những sai lầm, thiếu sót của các đảng viên.

### **3. Đảng lãnh đạo phong trào dân chủ, dân sinh (1936-1939)**

- Chủ trương mới của Đảng phù hợp với yêu cầu và nguyện vọng bức thiết của quần chúng, làm dấy lên trong cả nước một phong trào đấu tranh mạnh mẽ, sôi nổi hướng vào mục tiêu trước mắt là tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình.
- Trong một thời gian ngắn, ở khắp các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền, nông thôn đã lập ra các "ủy ban hành động" để tập hợp quần chúng.
- Đầu năm 1937, nhân dịp phái viên của Chính phủ Pháp là Gôđa (Godard) đi kinh lý Đông Dương và tiếp đó là Borêviê (Brévié) sang nhận chức toàn quyền Đông Dương, Đảng vận động hai cuộc biểu dương lực lượng quần chúng rộng lớn dưới danh nghĩa "đón rước", mítting, biểu tình, đưa đơn "dân nguyện".
- Mặc dù thực dân Pháp cố tìm cách ngăn chặn. Nhưng nhờ khéo lợi dụng các hình thức đấu tranh hợp pháp nên từ năm 1936 đến giữa năm 1939 phong trào quần chúng đấu tranh theo những khẩu hiệu đòi tự do dân chủ, cải thiện đời sống đã phát triển liên tục, rộng rãi khắp cả thành thị và nông thôn suốt ba năm.
- Năm 1937 là năm phong trào công nhân cao nhất, có gần 400 cuộc bãi công, vang dội nhất là cuộc bãi công của công nhân xe lửa Trường Thi (tháng 7-1937).
- Năm 1938, có trên 130 cuộc bãi công và 6 tháng đầu năm 1939 có khoảng 50 cuộc bãi công.
- Trong thời kỳ này, Đảng còn xuất bản nhiều tập sách chính trị phổ thông để giới thiệu chủ nghĩa Mác-Lênin và chính sách mới của Đảng.



- Từ giữa năm 1939 trở đi, Chính phủ Pháp nghiêng hẳn về phía hữu, và phátxít hóa. ở Đông Dương, bọn thực dân Pháp quay ra đàn áp quyết liệt phong trào dân chủ.

- Đảng liền chuyển hướng chỉ đạo chiến lược và sách lược cho phù hợp với thời kỳ chiến tranh và cách mạng. Thời kỳ vận động dân chủ kết thúc.

- Cuộc vận động dân chủ của Đảng Cộng sản Đông Dương trong những năm 1936-1939 thực sự là một cuộc đấu tranh cách mạng sôi nổi, có tính quần chúng rộng rãi nhằm thực hiện mục tiêu trước mắt là chống phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình.

- Cao trào dân chủ 1936-1939 là cuộc chuẩn bị lực lượng cho giai đoạn cách mạng 1939-1945.

### **III. Phong trào giải phóng dân tộc, khởi nghĩa giành chính quyền 1939-1945**

#### **1. Chính sách thống trị thời chiến của Pháp - Nhật ở Đông Dương**

- Ngày 1-9-1939, phátxít Đức tiến công Ba Lan, hai ngày sau Anh, Pháp tuyên chiến với Đức, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.

- Ngày 4-1-1940, Toàn quyền Đông Dương Catoru (George Catroux) tuyên bố : "Chúng ta đánh toàn diện và mau chóng vào các tổ chức cộng sản; trong cuộc đấu tranh này, phải tiêu diệt cộng sản thì Đông Dương mới được yên ổn và trung thành với nước Pháp. Chúng ta không có quyền không thắng".

- Tháng 6-1940, Đức tiến công Pháp. Chính phủ Pháp đầu hàng Đức. Tháng 6-1941, Đức tiến công Liên Xô. ở Đông Dương bọn thực dân Pháp thi hành một chính sách thời chiến rất phản động.

- Chính sách phản động trên đây của thực dân Pháp đã đẩy nhân dân ta vào một cảnh sống ngột ngạt về chính trị, bần cùng về kinh tế. Mâu thuẫn giữa dân tộc ta với đế quốc Pháp và tay sai càng trở nên gay gắt hơn.

- Tháng 9-1940, phátxít Nhật vào Đông Dương, thực dân Pháp đầu hàng và cấu kết với Nhật để thống trị và bóc lột nhân dân ta, làm cho nhân dân ta phải chịu cảnh "một cổ hai tròng".

#### **2. Chủ trương chiến lược mới của Đảng**

- Ngay khi Chiến tranh thế giới thứ hai mới bùng nổ, Đảng kịp thời rút vào hoạt động bí mật và chuyển trọng tâm công tác về nông thôn, đồng thời vẫn chú trọng các đô thị.

- Tháng 11 năm 1939, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ sáu tại Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định) do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chủ trì.

- Hội nghị nhận định: trong điều kiện lịch sử mới, giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu và cấp bách nhất của cách mạng Đông Dương.

- Khẩu hiệu "cách mạng ruộng đất" phải tạm gác lại và thay bằng các khẩu hiệu chống địa tô cao, chống cho vay lãi nặng, tịch thu ruộng đất của bọn thực dân đế quốc và bọn địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc đem chia cho dân cày nghèo.
- Khẩu hiệu "cách mạng ruộng đất" phải tạm gác lại và thay bằng các khẩu hiệu chống địa tô cao, chống cho vay lãi nặng, tịch thu ruộng đất của bọn thực dân đế quốc và bọn địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc đem chia cho dân cày nghèo.
- Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương đánh dấu sự thay đổi cơ bản về chiến lược cách mạng và mở ra một thời kỳ đấu tranh mới, thời kỳ trực tiếp xúc tiến chuẩn bị lực lượng để khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân.
- Ngày 27-9-1940, nhân khi quân Pháp ở Lạng Sơn bị Nhật đánh bại phải rút chạy qua đường Bắc Sơn-Thái Nguyên, nhân dân Bắc Sơn dưới sự lãnh đạo của đảng bộ địa phương nổi dậy khởi nghĩa, chiếm đồn Mỏ Nhài, làm chủ châu lỵ Bắc Sơn. Sau cuộc khởi nghĩa, Đội du kích Bắc Sơn được thành lập.
- Tháng 11 năm 1940, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp ở làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh).
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc đình chỉ kế hoạch khởi nghĩa ở Nam Kỳ chưa được triển khai thì cuộc khởi nghĩa đã nổ ra đêm 23-11-1940. Cuộc khởi nghĩa bị đế quốc Pháp và tay sai đàn áp đẫm máu và thất bại
- Khởi lửa của cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ chưa tan, ngày 13-1-1941, một cuộc binh chiến đã nổ ra ở đồn Chợ Rạng thuộc huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An do Đội Cung chỉ huy. Nhưng cuộc nổi dậy này đã bị thực dân Pháp dập tắt nhanh chóng.
- Ba cuộc nổi dậy trên đây là những đòn tiến công trực diện vào nền thống trị của thực dân Pháp.
- Tình hình quốc tế và trong nước diễn ra ngày càng khẩn trương. Nguyễn Ái Quốc quyết định trở về nước để trực tiếp lãnh đạo phong trào đấu tranh cách mạng.
- Tháng 5-1941, với tư cách đại diện cho Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Pác Bó (Cao Bằng).
- Hội nghị nhận định rằng Chiến tranh thế giới đang lan rộng, phátxít Đức đang chuẩn bị đánh Liên Xô và chiến tranh ở khu vực Thái Bình Dương sẽ bùng nổ.
- Trên cơ sở phân tích thái độ chính trị của các giai cấp, tầng lớp Hội nghị nêu rõ ở nước ta mâu thuẫn chủ yếu đòi hỏi phải được giải quyết cấp bách là mâu thuẫn giữa dân tộc ta với bọn đế quốc phátxít Pháp-Nhật.
- Hội nghị tiếp tục đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, tạm gác khẩu hiệu "đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày" thay bằng các khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo, chia lại ruộng đất công cho công bằng, giảm tô, giảm tức.

- Hội nghị đặc biệt coi trọng công tác đào tạo cán bộ, nâng cao năng lực tổ chức và lãnh đạo của Đảng.
- Sau Hội nghị, Nguyễn Ái Quốc gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước đoàn kết thống nhất đánh đuổi Pháp-Nhật.
- Hội nghị lần thứ tám của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã hoàn chỉnh sự thay đổi chiến lược cách mạng được vạch ra từ Hội nghị lần thứ sáu (tháng 11-1939).

### **3. Đảng lãnh đạo phong trào chống Pháp - Nhật, chuẩn bị lực lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang (1940-1945)**

- Từ giữa năm 1941 trở đi, tình hình trong nước và thế giới tiếp tục diễn ra rất căng thẳng. Tháng 6-1941, phát xít Đức bội ước, tiến công Liên Xô.
- Tháng 12-1941, chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ.
- Ở Đông Dương, Pháp-Nhật tiếp tục đẩy mạnh khủng bố phong trào cách mạng quần chúng và đàn áp Đảng Cộng sản Đông Dương.
- Cũng trong tháng 12-1941, Trung ương ra thông cáo *Cuộc chiến tranh Thái Bình Dương và trách nhiệm cần kíp của Đảng*.
- Ngày 25-10-1941 Việt Minh công bố Tuyên ngôn với đồng bào cả nước: "Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh) ra đời".
- Từ năm 1943 đến 1945, phong trào cách mạng phát triển ngày càng mạnh và đều khắp.
- Năm 1943, Đảng đưa ra bản *Đề cương văn hóa Việt Nam*.
- Ngày 22-12-1944, *Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân* do Võ Nguyên Giáp tổ chức ra đời ở huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.
- Tình hình thời cuộc lúc này rất khẩn trương. Tháng 10-1944, Hồ Chí Minh gửi thư cho đồng bào toàn quốc, thông báo chủ trương của Đảng về việc triệu tập Đại hội đại biểu quốc dân.

### **4. Đảng lãnh đạo cao trào kháng Nhật cứu nước và tổng khởi nghĩa giành chính quyền (tháng 3-1945 - tháng 8-1945)**

- Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc.
- Hồng quân Liên Xô đang truy kích phát xít Đức trên chiến trường châu Âu, giải phóng nhiều nước ở Đông Âu và tiến như vũ bão về phía Béclin. Số phận của phát xít Đức sắp kết liễu.
- Ở mặt trận Thái Bình Dương, phát xít Nhật cũng rất nguy khốn.
- Tình thế thất bại của phát xít Nhật ở Thái Bình Dương buộc chúng phải làm cuộc đảo chính lật đổ Pháp để độc chiếm Đông Dương và trừ mối họa bị quân Pháp

đánh vào sau lưng khi quân Đồng minh đổ bộ lên Đông Dương, đồng thời giữ cầu nối liền các thuộc địa của chúng.

- Dự đoán trước tình hình Nhật sắp sửa lật Pháp ở Đông Dương, ngày 12-3-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị "*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*".

- Chỉ thị xác định kẻ thù cụ thể, trước mắt và duy nhất của nhân dân Đông Dương sau cuộc đảo chính là phátxít Nhật, vì vậy phải thay khẩu hiệu "*đánh đuổi phátxít Nhật-Pháp*" bằng khẩu hiệu "*đánh đuổi phátxít Nhật*" và đưa ra khẩu hiệu "*thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân Đông Dương*".

- Chỉ thị xác định kẻ thù cụ thể, trước mắt và duy nhất của nhân dân Đông Dương sau cuộc đảo chính là phátxít Nhật, vì vậy phải thay khẩu hiệu "*đánh đuổi phátxít Nhật-Pháp*" bằng khẩu hiệu "*đánh đuổi phátxít Nhật*" và đưa ra khẩu hiệu "*thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân Đông Dương*" để chống lại chính phủ bù nhìn Việt gian thân Nhật.

- Chỉ thị chủ trương *phát động một cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa*.

- Phương châm đấu tranh lúc này là phát động chiến tranh du kích, giải phóng từng vùng, mở rộng căn cứ địa.

- Chỉ thị cũng dự kiến những hoàn cảnh thuận lợi để thực hiện tổng khởi nghĩa.

- Từ giữa tháng 3-1945 trở đi, cao trào kháng Nhật cứu nước đã diễn ra rất sôi nổi, mạnh mẽ và phong phú về nội dung và hình thức.

- Giữa lúc phong trào quần chúng trong cả nước đang phát triển mạnh ở cả nông thôn và thành thị, nạn đói đã diễn ra nghiêm trọng ở các tỉnh Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Hơn 2 triệu đồng bào chết đói.

- Xuất phát từ lợi ích sống còn trước mắt của quần chúng, Đảng kịp thời đề ra khẩu hiệu "*phá kho thóc, giải quyết nạn đói*". Chủ trương đó đáp ứng đúng nguyện vọng cấp bách của quần chúng.

- *Lúc này, Chiến tranh thế giới thứ hai đi đến hồi kết thúc. Ở châu Âu, tháng 5-1945, Quân đội Liên Xô đã tiêu diệt hoàn toàn bọn phátxít Đức tại sào huyệt của chúng và buộc chúng đầu hàng vô điều kiện. Tại châu Á, tháng 8-1945, Quân đội Liên Xô tiến công như vũ bão, đánh bại hơn 1 triệu quân Quan Đông tinh nhuệ của Nhật tại Mãn Châu. Chính phủ Nhật đầu hàng Liên Xô và các nước Đồng minh không điều kiện. Chính phủ Trần Trọng Kim do hoang mang cực độ. Kẻ thù của dân tộc Việt Nam gục ngã. Tình thế cách mạng trực tiếp xuất hiện. Trước tình thế vô cùng khẩn cấp và thuận lợi đó, Đảng kịp thời quyết định tổng khởi nghĩa.*

- Ngày 13-8-1945 Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Tân Trào. Hội nghị quyết định phát động tổng khởi nghĩa trong cả nước, giành lấy chính quyền từ tay phátxít Nhật trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.
- Tiếp sau Hội nghị toàn quốc của Đảng, ngày 16-8-1945 Đại hội quốc dân cũng họp tại Tân Trào. Đại hội nhất trí tán thành quyết định tổng khởi nghĩa của Đảng Cộng sản Đông Dương.
- Từ ngày 14-8-1945 trở đi, các đơn vị Giải phóng quân lần lượt tiến công các đồn Nhật ở các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Bái.
- Ngày 16-8-1945, một đơn vị Giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy kéo về bao vây, tiến công quân Nhật ở thị xã Thái Nguyên.
- Cũng từ ngày 14 đến ngày 18-8 ở hầu hết các tỉnh miền Bắc, một số tỉnh miền Trung và miền Nam, quần chúng cách mạng đã nổi dậy giành chính quyền ở cấp xã và huyện. Ngày 18 tháng 8 nhân dân Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam đã giành được chính quyền ở tỉnh lỵ.
- Tại Hà Nội, ngày 17-8 Đảng bộ Hà Nội bí mật huy động quần chúng trong các tổ chức cứu quốc ở nội và ngoại thành, chủ yếu là công nhân, thanh niên và tự vệ cứu quốc để biến cuộc mítting của Tổng hội viên chức thành cuộc mítting kêu gọi nhân dân ủng hộ Việt Minh, hăng hái tham gia khởi nghĩa.
- Sáng ngày 19-8, quần chúng rầm rộ kéo đến quảng trường Nhà hát thành phố để dự cuộc mítting lớn do Mặt trận Việt Minh tổ chức.
- Ngày 23-8, ủy ban khởi nghĩa Thừa Thiên-Huế huy động quần chúng nông dân từ các huyện đã giành được chính quyền ở ngoại thành, kết hợp với công nhân, nhân dân lao động, thanh niên và các tầng lớp khác trong nội thành xuống đường biểu dương lực lượng. Quần chúng lần lượt chiếm các công sở không vấp phải sức kháng cự nào.
- Ở Nam Kỳ, được tin Hà Nội và Tân An (tỉnh khởi nghĩa thí điểm của Xứ ủy) đã về tay Việt Minh, Xứ ủy Nam Kỳ quyết định khởi nghĩa chiếm Sài Gòn và các tỉnh. Trong đêm 24-8 các lực lượng khởi nghĩa của công nhân, nông dân, thanh niên với gậy tầm vông vót nhọn và giáo mác, từ các tỉnh xung quanh rầm rập kéo về Sài Gòn. Sáng 25-8, hơn 1 triệu người biểu tình tuần hành thị uy. Quân khởi nghĩa chiếm các công sở quan trọng. Quân Nhật hoàn toàn tê liệt, không dám kháng cự.
- Nhờ có sự chuẩn bị lực lượng chu đáo, lại nổ ra đúng thời cơ nên Cách mạng Tháng Tám đã giành được thắng lợi nhanh, gọn, ít đổ máu. Chỉ trong vòng 15 ngày (từ 14 đến 28-8) cuộc tổng khởi nghĩa đã thành công.
- Ngày 25-8-1945, Hồ Chí Minh cùng với Trung ương Đảng và ủy ban dân tộc giải phóng về đến Hà Nội.

- Ngày 30-8-1945, một cuộc mítting gồm hàng vạn người tham gia ở Ngọ Môn, thành phố Huế, chứng kiến Bảo Đại đọc lời thoái vị và giao nộp ấn, kiếm cho đại diện Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

- Ngày 2-9-1945, Lễ độc lập được tổ chức trọng thể tại Quảng trường Ba Đình. Chính phủ lâm thời ra mắt quốc dân. Trước cuộc mítting của hàng chục vạn đồng bào thủ đô, thay mặt Chính phủ lâm thời, Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, trình trọng tuyên bố trước quốc dân và thế giới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời.

- *Tuyên ngôn độc lập* là một văn kiện lịch sử có giá trị tư tưởng lớn và ý nghĩa thực tiễn sâu sắc. Đó là thiên anh hùng ca chiến đấu và chiến thắng, chứa chan sức mạnh và niềm tin, tràn đầy lòng tự hào và ý chí đấu tranh của nhân dân ta trong sự nghiệp giành và giữ nền độc lập, tự do và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Việt Nam.

#### **IV. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa và kinh nghiệm lịch sử**

##### **1. Nguyên nhân thắng lợi**

- Cách mạng Tháng Tám nổ ra trong hoàn cảnh khách quan rất thuận lợi: kẻ thù trực tiếp của nhân dân ta là phátxít Nhật đã bị Liên Xô và Đồng minh đánh bại, quân đội Nhật ở Đông Dương mất hết tinh thần chiến đấu, chính phủ Trần Trọng Kim rệu rã. Đảng Cộng sản Đông Dương đã chớp thời cơ đó phát động toàn dân nổi dậy nên đã giành được thắng lợi nhanh chóng và ít đổ máu.

- Cách mạng Tháng Tám là kết quả và đỉnh cao của 15 năm đấu tranh của toàn dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, mà trực tiếp là phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945.

- Đảng Cộng sản Đông Dương là người tổ chức và lãnh đạo cuộc Cách mạng Tháng Tám.

- Trong 15 năm đấu tranh cực kỳ gian khổ và anh dũng, biết bao đảng viên cộng sản và quần chúng cách mạng đã hy sinh oanh liệt.

##### **2. Ý nghĩa lịch sử**

- Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc điển hình do Đảng Cộng sản lãnh đạo, lần đầu tiên giành thắng lợi ở một nước thuộc địa.

- Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, nhân dân Việt Nam đã đập tan xiềng xích nô lệ của chủ nghĩa đế quốc trong gần một thế kỷ trên đất nước ta, chấm dứt sự tồn tại của chế độ quân chủ chuyên chế ngót nghìn năm, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước do nhân dân lao động làm chủ.

- Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đánh dấu bước phát triển nhảy vọt trong lịch sử tiến hóa của dân tộc Việt Nam, mở ra kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc, kỷ nguyên độc lập tự do.

- Về mặt quốc tế, Cách mạng Tháng Tám thắng lợi đã chọc thủng một khâu quan trọng trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, mở đầu thời kỳ suy sụp và tan rã không gì cứu vãn nổi của chủ nghĩa thực dân cũ, góp phần cống hiến lớn lao vào sự nghiệp giải trừ chủ nghĩa thực dân và giải phóng dân tộc trên thế giới.

- Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc.

- Cách mạng Tháng Tám là thắng lợi của tư tưởng độc lập tự do của Hồ Chí Minh và đường lối giải phóng dân tộc đúng đắn, sáng tạo của Đảng.

### **3. Kinh nghiệm lịch sử**

- *Một là:* Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, kết hợp đúng đắn hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến

- *Hai là:* Toàn dân nổi dậy trên nền tảng khối liên minh công – nông.

- *Ba là:* Lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù.

- *Bốn là:* Kiên quyết dùng bạo lực cách mạng và biết sử dụng bạo lực cách mạng một cách thích hợp để đập tan bộ máy nhà nước cũ, lập ra bộ máy nhà nước của nhân dân .

- *Năm là:* Nắm vững nghệ thuật khởi nghĩa, nghệ thuật chọn đúng thời cơ.

- *Sáu là:* Xây dựng một Đảng Mác - Lênin đủ sức lãnh đạo tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

## CHƯƠNG III

### CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ CAN THIỆP MỸ (1945 – 1954)

#### I. Xây dựng và bảo vệ chính quyền, chuẩn bị kháng chiến trong cả nước (1945 – 1946)

##### 1. Tình thế “ngàn cân treo sợi tóc” của chính quyền cách mạng và chủ trương kháng chiến, kiến quốc của Đảng

- Sau Cách mạng Tháng Tám, chính quyền nhân dân vừa mới được thành lập đã phải đương đầu với những khó khăn, thử thách rất nghiêm trọng.

- Gần 20 vạn quân của chính phủ Tưởng Giới Thạch ồ ạt kéo vào nước ta từ vĩ tuyến 16 trở ra. Theo chúng là lực lượng tay sai phản động trong hai tổ chức "Việt quốc", và "Việt cách". Đằng sau quân Tưởng là đế quốc Mỹ.

- Phía Nam vĩ tuyến 16, quân đội Anh với danh nghĩa quân Đồng minh giải giáp quân đội Nhật đã đồng lõa và tiếp tay cho thực dân Pháp quay lại Đông Dương.

- Trên đất nước ta lúc đó còn có khoảng 6 vạn quân Nhật đang chờ giải giáp.

- Lúc này, các tổ chức phản động "Việt quốc", "Việt cách", Đại Việt ráo riết hoạt động.

- Ngoài ra, ta còn phải đối mặt với những thách thức nghiêm trọng về kinh tế, xã hội.

- Trong những năm đầu sau Cách mạng Tháng Tám, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà chưa có nước nào công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ ta. Đất nước bị bao vây bốn phía, vận mệnh dân tộc như "ngàn cân treo sợi tóc".

- Trước tình hình đó, Đảng ta do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu đã tỉnh táo và sáng suốt phân tích tình thế, chiều hướng phát triển của các trào lưu cách mạng trên thế giới và sức mạnh mới của dân tộc làm cơ sở để vạch ra chủ trương và giải pháp đấu tranh giữ vững chính quyền, bảo vệ nền độc lập tự do.

- Ngày 25-11-1945, Ban Chấp hành Trung ương ra Chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc*

- Chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc* nêu ra nhiệm vụ chủ yếu của nhân dân cả nước ta lúc này là "củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống cho nhân dân".

- Chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc* đã giải quyết kịp thời những vấn đề quan trọng về chỉ đạo chiến lược và sách lược cách mạng khôn khéo trong tình thế vô cùng hiểm nghèo của nước nhà.



## **2. Xây dựng chế độ dân chủ cộng hoà và tổ chức kháng chiến ở miền Nam**

- Để sự nghiệp kháng chiến kiến quốc giành được thắng lợi, nhiệm vụ trung tâm là củng cố chính quyền nhân dân. Ngay từ những ngày đầu, Đảng đã chú trọng lãnh đạo, xây dựng nền móng của chế độ dân chủ mới, xóa bỏ toàn bộ tổ chức bộ máy chính quyền thuộc địa, giải tán các đảng phái phản động...

- Trong hoàn cảnh vô cùng phức tạp, bọn đế quốc phản động ra sức ngăn trở, quấy phá, Đảng kiên quyết lãnh đạo, tổ chức cuộc tổng tuyển cử ngày 6-1-1946 để nhân dân tự mình chọn lựa bầu những đại biểu chân chính của mình vào Quốc hội, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

- Đảng chỉ đạo tích cực phát triển các đoàn thể yêu nước. Mặt trận dân tộc thống nhất được mở rộng, đưa đến sự ra đời của Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (tháng 5/1946) gọi tắt là Liên Việt.

- Đảng ta coi trọng việc xây dựng và phát triển công cụ bảo vệ chính quyền cách mạng như quân đội, công an.

- Cùng với việc xây dựng chính quyền nhân dân, Đảng và Chính phủ phát động thi đua sản xuất; động viên nhân dân tiết kiệm giúp nhau chống giặc đói; thực hiện bãi bỏ thuế thân và các thứ thuế vô lý khác của chế độ thực dân.

- Đảng đã vận động toàn dân xây dựng nền văn hóa mới, xóa bỏ mọi tệ nạn văn hóa nô dịch của thực dân.

- Các trường học từ cấp tiểu học trở lên lần lượt được khai giảng.

- Thắng lợi bước đầu trong cuộc đấu tranh xây dựng nền móng chế độ mới, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân có ý nghĩa chính trị hết sức to lớn.

- Đó là sức mạnh để bảo vệ chính quyền cách mạng, giữ vững quyền lãnh đạo của Đảng, là sức mạnh để chiến đấu và chiến thắng thù trong giặc ngoài.

## **3. Thực hiện sách lược hoà hoãn, tranh thủ thời gian chuẩn bị toàn quốc kháng chiến**

- Cùng với việc tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng chế độ mới và tổ chức kháng chiến ở miền Nam, Đảng ta đã thực hiện sách lược lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ kẻ thù để phân hoá chúng, tránh tình thế đương đầu cùng một lúc với nhiều kẻ thù.

- Chúng ta đã hết sức kiềm chế trước những hành động khiêu khích của quân đội Tưởng và tay sai, tránh để xảy ra xung đột về quân sự, đã ép cung cấp lương thực, thực phẩm cho 20 vạn quân Tưởng trong khi nhân dân ta đang bị đói, mở rộng Quốc hội thêm 70 ghế cho Việt quốc, Việt cách không qua bầu cử, đưa một số đại diện của các đảng đối lập này làm thành viên của Chính phủ liên hiệp do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu.

- Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mềm dẻo về thực hiện sách lược nhân nhượng trên nguyên tắc: nắm chắc vai trò lãnh đạo của Đảng, giữ vững chính quyền cách mạng.

- Đầu năm 1946, các nước đế quốc dàn xếp, mua bán quyền lợi với nhau để cho thực dân Pháp đưa quân ra miền Bắc Việt Nam thay quân đội của Tưởng. Ngày 28-2-1946, Hiệp ước Hoa - Pháp được ký kết ở Trùng Khánh. Theo đó, Pháp nhân nhượng một số quyền lợi kinh tế cho chính quyền Tưởng trên đất Trung Hoa để Pháp được đưa quân ra miền Bắc Việt Nam.

- Tình hình đó đặt Đảng ta trước một sự lựa chọn giải pháp đánh hay hoà. Phân tích tình thế, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã quyết định chọn giải pháp hoà hoãn, dàn xếp với Pháp.

- Thực hiện chủ trương đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ ta ký với đại diện Chính phủ Pháp bản Hiệp định sơ bộ 6-3-1946.

- Hiệp định quy định: Chính phủ Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do có nghị viện, chính phủ, quân đội và tài chính riêng nằm trong Liên bang Đông Dương và trong Khối liên hiệp Pháp.

- Sau khi ký Hiệp định sơ bộ, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị *Hoà để tiến* (ngày 9-3-1946).

- Sự thật sau khi đã ký Hiệp định sơ bộ, thực dân Pháp cố tìm cách trì hoãn cuộc đàm phán giữa Việt Nam và Pháp để đi đến ký Hiệp định chính thức và sớm vi phạm Hiệp định.

- Đảng đã lãnh đạo Chính phủ đấu tranh buộc Pháp phải mở cuộc đàm phán chính thức với ta ở Pháp.

- Để tỏ rõ thiện chí và giành thêm thời gian hòa bình, trước khi rời nước Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với Chính phủ Pháp bản Tạm ước (ngày 14-9-1946).

- Tranh thủ thời gian hoà hoãn, Đảng lãnh đạo nhân dân ta tích cực đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống, tích trữ lương thực, phát triển lực lượng vũ trang, xây dựng các chiến khu, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, chính quyền nhân dân được củng cố vững chắc hơn, Hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được Quốc hội thông qua; tích cực tuyên truyền trong nước và quốc tế về cuộc đấu tranh chính nghĩa của dân tộc ta.

- Nội bộ của Đảng được củng cố, thống nhất, đội ngũ cán bộ của Đảng được đào tạo và phát triển. Cuộc kháng chiến của quân và dân ta ở miền Nam có điều kiện phát triển thuận lợi hơn.

- Chúng ta cần hòa bình để xây dựng nước nhà, cho nên chúng ta đã ép lòng mà nhân nhượng để giữ hòa bình. Dù thực dân Pháp đã bội ước, đã gây chiến tranh,

nhưng gần một năm tạm hòa bình đã cho chúng ta thời giờ để xây dựng lực lượng căn bản.

- Khi Pháp đã cố ý gây chiến tranh, chúng ta không thể nhịn nữa thì cuộc kháng chiến toàn quốc bắt đầu.

- Đầu tháng 11-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu ra những công việc khẩn cấp bấy giờ để chỉ đạo toàn Đảng, toàn dân ta gấp rút thực hiện, nhằm đối phó với cuộc chiến tranh "chớp nhoáng" của thực dân Pháp.

- Lãnh đạo sự nghiệp đấu tranh bảo vệ chính quyền nhân dân, vừa kháng chiến, vừa kiến quốc (từ tháng 9-1945 đến tháng 12-1946), Đảng ta đã đưa đất nước vượt qua những thử thách hiểm nghèo, củng cố và phát huy thành quả Cách mạng Tháng Tám, chuẩn bị thực lực cho cuộc kháng chiến chống Pháp.

## II. Kháng chiến toàn quốc 1946 – 1950

### 1. Quyết định kháng chiến toàn quốc và đường lối kháng chiến của Đảng

- Đảng và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã tỏ rõ thiện chí, cố gắng làm những việc có thể nhằm đẩy lùi chiến tranh, nhưng với dã tâm cướp nước ta một lần nữa, thực dân Pháp thi hành chính sách việc đã rồi, tăng cường khiêu khích và lấn chiếm.

- Ngày 17 và 18-12-1946 tại Hà Nội, quân Pháp tàn sát thảm khốc đồng bào ta ở các phố Yên Ninh, Hàng Bún. Chúng ngang ngược đòi tước vũ khí của tự vệ Hà Nội, đòi kiểm soát an ninh trật tự ở Thủ đô.

- Hành động của thực dân Pháp đã đặt Đảng và Chính phủ ta trước một tình thế không thể nhân nhượng thêm với chúng được nữa.

- Lịch sử đã đặt dân tộc ta trước một sự lựa chọn mới. Thực tế cho thấy khả năng hoà hoãn không còn.

- Địch đã công khai tuyên bố chúng sẽ hành động sáng ngày 20 - 12 nếu Chính phủ ta khước từ những điểm nêu trong tối hậu thư của chúng.

- Trong thời điểm lịch sử đó, Trung ương Đảng đã kịp thời hạ quyết tâm phát động toàn dân kháng chiến.

- Vào lúc 20 giờ ngày 19-12-1946, tất cả các chiến trường trong cả nước đồng loạt nổ súng.. Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ.

- Ngay trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra bản Chỉ thị Toàn dân kháng chiến. Bản Chỉ thị đã nêu rõ: Mục đích của kháng chiến là "*đánh phản động thực dân Pháp xâm lược; giành thống nhất và độc lập*"; "*tính chất: Trường kỳ kháng chiến, toàn diện kháng chiến*".

- Từ tháng 3 - 1947, qua thực tiễn những ngày đầu của cuộc chiến đấu, Trường Chinh, Tổng Bí thư của Đảng đã viết một loạt bài đăng trên báo *Sự thật* để làm sáng

tỏ thêm đường lối kháng chiến của Đảng. Những bài viết này được xuất bản thành tác phẩm “*Kháng chiến nhất định thắng lợi*”.

- Tác phẩm của Trường Chinh đã xác định rõ:

*Mục tiêu* của cuộc kháng chiến: Dân tộc ta kháng chiến đánh bọn thực dân phản động Pháp xâm lược nhằm giành độc lập và thống nhất.

*Tính chất* của cuộc kháng chiến: có *tính chất dân tộc giải phóng và dân chủ mới*.

- *Chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc* là nội dung cơ bản của đường lối quân sự của Đảng.

- Để đánh lâu dài, ta phải tự lực cánh sinh.

- Tác phẩm *Kháng chiến nhất định thắng lợi* đã vạch ra một phương châm “*tử chiến*” (quyết chiến) với thực dân phản động Pháp để giành độc lập, thống nhất thực sự cho đất nước.

## **2. Tiến hành kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính**

Từ những ngày đầu của cuộc kháng chiến, với tinh thần chiến đấu dũng cảm, mưu trí, quân và dân ta ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ với sự chi viện của cả nước đã chiến đấu ngoan cường chống lại âm mưu *đánh nhanh thắng nhanh* của thực dân Pháp.

- Mở đầu cuộc tổng giao chiến lịch sử đêm 19-12-1946 là cuộc chiến đấu của quân và dân Thủ đô Hà Nội.

- Trong khói lửa chiến đấu, Trung đoàn Thủ đô được thành lập (ngày 7-1-1947). Cùng với quân dân Thủ đô, quân dân các thành phố, thị xã khác trong cả nước chiến đấu ngoan cường, giam chân địch từ 1 - 3 tháng.

- Đất nước kịp thời chuyển sang thời chiến và bước đầu triển khai thế trận chiến tranh nhân dân.

- Hàng vạn đồng bào tản cư, vượt qua mọi khó khăn, hoà nhập với nhân dân các địa phương.

- Lực lượng vũ trang được chăm lo xây dựng.

- Để tăng cường lực lượng lãnh đạo của Đảng, Ban Chấp hành Trung ương chủ trương mở đợt phát triển đảng viên. Cuối năm 1947, tổng số đảng viên có trên 70.000 người.

- Đảng quan tâm lãnh đạo công tác đối ngoại, tranh thủ sự đồng tình của nhân dân thế giới đối với cuộc kháng chiến.

- Sau khi mở rộng chiếm đóng một số thành phố, thị xã và một số vùng nông thôn, thực dân Pháp thực hiện kế hoạch củng cố chiếm đóng, lập chính phủ bù nhìn

và chuẩn bị kế hoạch mở rộng tiến công đại quy mô vào vùng hậu phương, can cứ địa chính của chúng ta.

- Ngày 10-9-1947, Bôlaéc (Bollaert), Cao uỷ Pháp tuyên bố không công nhận Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà do Hồ Chí Minh đứng đầu.

- Ngày 15-9-1947, Trung ương Đảng ra chỉ thị nêu rõ nhiệm vụ của nhân dân ta phải chống âm mưu dùng người Việt trị người Việt của thực dân Pháp và chuẩn bị chống lại cuộc tấn công lớn của địch.

- Ngày 7-10-1947, thực dân Pháp huy động 12.000 quân tinh nhuệ chia làm nhiều mũi tiến công lên Việt Bắc.

- Ngày 15-10-1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị phải "Phá tan cuộc tấn công mùa Đông của giặc Pháp".

- Thực hiện chỉ thị của Đảng và căn cứ vào thực tế chiến trường, với lối đánh mưu trí linh hoạt, chúng ta đã căng địch ra trên một không gian rộng, chia cắt các mũi tiến công của chúng, lợi dụng địa hình hiểm trở phục kích, đánh chặn tiêu hao, tiêu diệt quân địch.

- Trải qua 75 ngày đêm chiến đấu (ngày 7-10 đến ngày 21-12-1947), quân và dân ta ở Việt Bắc đã loại khỏi vòng chiến đấu 7.000 tên địch, phá huỷ hàng trạm xe ô tô thiết giáp, đánh chìm 16 ca nô, tàu chiến và thu được nhiều vũ khí và phương tiện chiến tranh của chúng.

- Cơ quan lãnh đạo kháng chiến được bảo vệ an toàn.

- Căn cứ địa Việt Bắc trải qua thử thách đã đứng vững.

- Bộ đội chủ lực, dân quân, du kích được tôi luyện và trưởng thành.

- Thắng lợi của cuộc phản công lớn ở Việt Bắc là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược quan trọng trong những năm đầu toàn quốc kháng chiến, làm phá sản chiến lược "đánh nhanh, thắng nhanh" của thực dân Pháp, mở ra giai đoạn mới của cuộc kháng chiến chống Pháp.

- Sau chiến thắng Việt Bắc Thu - Đông 1947, tình hình quốc tế có những chuyển biến lớn ảnh hưởng đến cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

- Bị thất bại trong chiến lược "đánh nhanh, thắng nhanh" thực dân Pháp buộc phải chuyển hướng sang "đánh lâu dài" với âm mưu "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt trị người Việt".

- Nhận định đúng đắn tình hình sau chiến thắng Việt Bắc, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương mở rộng (tháng 1-1948) đã đề ra nhiệm vụ và các biện pháp về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa nhằm thúc đẩy kháng chiến tiến lên giai đoạn mới.

- Tháng 1-1949, Hội nghị cán bộ Trung ương chủ trương tích cực cầm cự, chuẩn bị chuyển sang tổng phản công.

- Đề thúc đẩy việc hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ trên, theo sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 27-3-1948, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị phát động phong trào *thi đua ái quốc*.
- Đề tăng cường xây dựng bộ đội chủ lực, tháng 11-1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra sắc lệnh về nghĩa vụ quân sự.
- Đảng và Chính phủ quan tâm chăm lo bồi dưỡng sức dân. Một nhiệm vụ quan trọng là thực hiện một bước chính sách ruộng đất.
- Từ năm 1949, nhiều địa phương đã xúc tiến việc thống nhất Việt Minh và Liên Việt, chuẩn bị điều kiện để thống nhất Việt Minh – Liên Việt trên phạm vi toàn quốc.
- *Trên mặt trận văn hóa*: Hội nghị Văn hóa toàn quốc tháng 7-1948 đã xác định đường lối, nhiệm vụ công tác văn hóa trong kháng chiến.
- *Công tác xây dựng Đảng* được chú trọng.
- *Về đối ngoại*, đầu năm 1950 Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thăm Trung Quốc, Liên Xô.
- Cuộc kháng chiến của nhân dân ta bắt đầu nhận được viện trợ và vật chất của Trung Quốc và Liên Xô.
- Những thắng lợi về mọi mặt của quân và dân ta đưa cuộc kháng chiến phát triển với thế và lực mới.
- Tháng 1-1950, Hội nghị toàn quốc lần thứ ba của Đảng họp, đề ra chủ trương "*gấp rút hoàn thành nhiệm vụ chuyển mạnh sang tổng phản công trong năm 1950*".
- Tháng 6-1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng chủ trương mở Chiến dịch Biên giới.
- Ngày 16-9-1950, chiến dịch bắt đầu mở màn bằng trận Đông Khê.
- Qua 29 ngày đêm chiến đấu ác liệt (từ ngày 16-9-1950 đến ngày 15-10-1950), ta đã diệt và bắt hơn 8.000 tên địch, thu trên 3.000 tấn vũ khí và phương tiện chiến tranh, giải phóng hoàn toàn biên giới từ Cao Bằng đến Đình Lập.
- Tính chung trong cả nước, ta đã tiêu diệt khoảng 12.000 tên địch, giải phóng một số thị xã, thị trấn và nhiều vùng đất đai rộng lớn.
- Thắng lợi của Chiến dịch Biên giới đã giáng một đòn nặng nề vào ý chí xâm lược của địch.
- Thắng lợi đó đã tạo ra một bước chuyển biến lớn đưa cuộc kháng chiến bước vào giai đoạn mới. Quân đội ta đã nắm quyền chủ động chiến lược trên chiến trường Bắc Bộ, chủ động tiến công và phản công ngày càng lớn.

### III. Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng và đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi (1951 – 1954)

#### 1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (tháng 2 - 1951)

- Đại hội họp từ ngày 11 đến ngày 19-2-1951 tại xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.
- Đại hội quyết định: do nhu cầu kháng chiến, giai cấp công nhân và nhân dân mỗi nước Việt Nam, Lào, Campuchia cần có một đảng riêng. Ở Việt Nam, Đảng ra hoạt động công khai, lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam.
- Sau diễn văn khai mạc của Tôn Đức Thắng, Đại hội đã nghiên cứu và thảo luận Báo cáo chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- Báo cáo Hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội của Trường Chinh; Báo cáo về tổ chức và Điều lệ Đảng của Lê Văn Lương...
- Báo cáo chính trị tổng kết phong trào cách mạng thế giới và cách mạng Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ XX, dự báo những triển vọng tốt đẹp của nửa thế kỷ sau.
- Rút ra bài học trong 21 năm hoạt động của Đảng.
- Báo cáo của đồng chí Trường Chinh trình bày toàn bộ đường lối cách mạng Việt Nam. Đó là đường lối cách mạng dân tộc - dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nội dung cơ bản của bản báo cáo được phản ánh trong Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam được Đại hội thông qua.
- Nội dung cơ bản của Chính cương Đảng Lao động Việt Nam:
 

"Xã hội Việt Nam hiện nay gồm có ba tính chất: dân chủ nhân dân, một phần thuộc địa và nửa phong kiến"
- Do đó cách mạng Việt Nam có hai đối tượng. Đối tượng chính hiện nay là chủ nghĩa đế quốc xâm lược, đối tượng phụ hiện nay là phong kiến.
- Nhiệm vụ cơ bản hiện nay của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược.
- Động lực của cách mạng Việt Nam gồm có giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, giai cấp tiểu tư sản và tư sản dân tộc. Ngoài ra còn có những thân sĩ (địa chủ) yêu nước và tiên bộ.
- Cách mạng Việt Nam là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
- Đại hội đã thông qua Điều lệ mới của Đảng.
- Điều lệ xác định rõ mục đích, tôn chỉ của Đảng và nhấn mạnh Đảng Lao động Việt Nam là đảng của giai cấp công nhân và của nhân dân lao động Việt Nam.

## 2. Đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi

- Sau Đại hội, Đảng ta đã tập trung lãnh đạo đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi.
- *Hội nghị Trung ương lần thứ nhất* (tháng 3-1951) tập trung giải quyết các nhiệm vụ kinh tế, tài chính để bồi dưỡng sức dân và bảo đảm cung cấp cho quân đội.
- *Hội nghị Trung ương lần thứ hai* (tháng 9-1951) đã ra Nghị quyết về *Tình hình và nhiệm vụ chung, về công tác củng cố nội bộ, về nhiệm vụ kinh tế tài chính trước mắt*. Hội nghị còn bàn về công tác vùng địch chiếm đóng.
- *Hội nghị Trung ương lần thứ ba* (tháng 4-1952) đã quyết định *chinh Đảng, chinh quân* coi đó là nhiệm vụ trung tâm của công tác xây dựng Đảng, xây dựng quân đội.
- *Hội nghị Trung ương lần thứ tư* (tháng 1-1953) đã kiểm điểm tình hình thực hiện chính sách ruộng đất, chủ trương thực hiện triệt để giảm tô, chuẩn bị tiến tới cải cách ruộng đất.
- *Hội nghị Trung ương lần thứ năm* (tháng 11-1953) quyết định phát động quần chúng triệt để giảm tô và tiến hành cải cách ruộng đất trong kháng chiến.
- Đầu tháng 3-1951, Đại hội toàn quốc thống nhất Việt Minh và Liên Việt đã họp quyết định thống nhất hai tổ chức thành Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Liên Việt).
- *Lực lượng vũ trang* đã trưởng thành về cả chính trị và tổ chức, đặc biệt là bộ đội chủ lực.
- *Phong trào đấu tranh ở vùng sau lưng địch* tiếp tục phát triển với nhiều hình thức phong phú.
- Để bồi dưỡng sức dân, *củng cố hậu phương kháng chiến*, năm 1952, Đảng phát động cuộc vận động tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm đạt kết quả tốt.
- *Về xây dựng Đảng*, cuộc vận động *chinh Đảng* trong hai năm 1952, 1953 giúp cho cán bộ, đảng viên quán triệt thêm đường lối cách mạng và quan điểm kháng chiến lâu dài, dựa vào sức mình là chính.
- Để cứu vãn tình thế sau thất bại ở Chiến dịch Biên giới, bọn hiếu chiến Pháp phải dựa vào sự giúp đỡ của đế quốc Mỹ.
- Với thế chủ động trên chiến trường, quân ta liên tiếp mở các chiến dịch: chiến dịch Trung du (tháng 12-1950).
- Tháng 10-1952, thực hiện Nghị quyết Bộ Chính trị, quân ta mở Chiến dịch Tây Bắc. Sau ba tháng chiến đấu (từ ngày 4-10 đến ngày 30-12-1952) quân ta đã tiêu diệt được 6.000 tên địch, giải phóng đại bộ phận Tây Bắc, phá tan âm mưu lập "Xứ Thái tự trị" của giặc Pháp.



- Những thắng lợi to lớn và toàn diện của quân và dân ta từ sau Đại hội lần thứ II của Đảng (tháng 2-1951) đã làm thay đổi lớn về lực và thế của ta.

- Để giành một thắng lợi quân sự làm cơ sở cho một giải pháp chính trị có "danh dự" cho Pháp, tướng Nava được bổ nhiệm làm Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương. Nava vạch ra một kế hoạch quân sự dựa trên sự nỗ lực cao nhất của Chính phủ Pháp và sự viện trợ lớn nhất của Mỹ, với một đội quân cơ động mạnh nhất và phương tiện chiến tranh nhiều nhất.

- Căn cứ vào sự phân tích tình hình và âm mưu của địch, chủ trương quân sự của Trung ương đề ra trong Đông Xuân 1953-1954 là:

+ Ra sức tăng cường chiến tranh du kích trên toàn bộ chiến trường vùng sau lưng địch để phá âm mưu bình định, phân tán chủ lực của chúng và phá âm mưu chúng tập trung lực lượng ra Bắc Bộ.

+ Bộ đội chủ lực nắm vững phương châm "tích cực, chủ động, cơ động linh hoạt".

- Chủ trương quân sự của Trung ương Đảng được toàn Đảng, toàn quân và dân ta tích cực chuẩn bị và khẩn trương thực hiện kế hoạch tác chiến, quân đội nhân dân Việt Nam đã liên tiếp mở các cuộc tấn công trên các hướng chiến lược trên chiến trường Đông Dương; tiến công địch ở Tây Bắc, giải phóng Lai Châu, uy hiếp Điện Biên Phủ, tiến công địch ở Trung Lào, giải phóng Thà Khẹt và nhiều vùng quan trọng ở Trung Lào.

- Đến tháng 1-1954, để tiếp tục chuẩn bị, bố trí thế trận đánh Điện Biên Phủ theo phương châm "đánh chắc, tiến chắc", quân đội ta còn phối hợp với quân giải phóng Lào tiến công địch ở phòng tuyến sông Nậm Hu, Thượng Lào, giải phóng Nậm Hu và toàn bộ tỉnh Phôngxaly.

- Kế hoạch quân sự Nava bước đầu bị phá sản, tạo điều kiện thuận lợi cho mặt trận Điện Biên Phủ.

- Giữa lúc quân đội ta bắt đầu tiến quân lên Tây Bắc, ngày 20-11-1953 Nava vội vàng cho thực hiện cuộc hành binh Hải Ly (Castor) cho quân nhảy dù xuống Điện Biên Phủ rồi tiếp tục tăng quân, vũ khí để xây dựng ở Điện Biên Phủ một tập đoàn cứ điểm quy mô lớn.

- Hạ tuần tháng 12-1953, Bộ Chính trị quyết định chọn Điện Biên Phủ làm điểm quyết chiến chiến lược trong Đông Xuân 1953-1954. Chiến dịch diễn ra từ ngày 13-3-1954 và kết thúc vào ngày 7-5-1954.

- Với chiến thắng Điện Biên Phủ, quân ta đã tiêu diệt và bắt sống 16.000 tên địch, trong đó có tướng Đờ Caxtori (De Castries) và toàn bộ tham mưu của tập đoàn cứ điểm bị diệt và bắt sống.

- Chiến thắng Điện Biên Phủ là thắng lợi lớn nhất của cuộc đọ sức toàn diện và quyết liệt của quân dân Việt Nam với quân đội xâm lược Pháp.
- Ngày 8-5-1954, một ngày sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Hội nghị quốc tế về chấm dứt chiến tranh Đông Dương khai mạc ở Giơnevơ (Thụy Sĩ).
- Ngày 21-7-1954, các văn bản của Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết.

#### **IV. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa và kinh nghiệm lịch sử**

##### **1. Nguyên nhân thắng lợi**

Thắng lợi vẻ vang của sự nghiệp kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta là do:

- Có sự lãnh đạo vững vàng của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính, có sức mạnh động viên và tổ chức toàn dân đánh giặc.
- Có sự đoàn kết chiến đấu của toàn dân tập hợp trong mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi.
- Có lực lượng vũ trang gồm ba thứ quân do Đảng ta trực tiếp lãnh đạo ngày càng vững mạnh.
- Có chính quyền dân chủ nhân dân, của dân, do dân và vì dân được giữ vững.
- Có sự liên minh chiến đấu keo sơn giữa ba dân tộc Việt Nam, Lào, Campuchia cùng chống một kẻ thù chung; có sự đồng tình, giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa, của các dân tộc yêu chuộng hòa bình trên thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Pháp.

##### **2. Kinh nghiệm lịch sử**

Trải qua quá trình lãnh đạo kháng chiến, Đảng ta đã tích lũy được  *nhiều kinh nghiệm quý báu*:

- Xác định đúng và quán triệt đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân.
- Kết hợp chặt chẽ và đúng đắn nhiệm vụ chống đế quốc với nhiệm vụ chống phong kiến, trong đó chủ yếu là nhiệm vụ chống đế quốc.
- Vừa kháng chiến vừa xây dựng chế độ mới, xây dựng hậu phương ngày càng vững mạnh đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của cuộc kháng chiến.
- Quán triệt tư tưởng chiến lược kháng chiến gian khổ và lâu dài chủ động đề ra và thực hiện phương thức tiến hành chiến tranh và nghệ thuật quân sự sáng tạo.
- Tăng cường công tác xây dựng Đảng, nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng trong chiến tranh.

### 3. Ý nghĩa lịch sử

- Cuộc kháng chiến của nhân dân ta thắng lợi đã buộc thực dân Pháp phải thừa nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương. Âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh Đông Dương của đế quốc Pháp – Mỹ bị thất bại hoàn toàn.

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp đã bảo vệ và phát triển những thành quả của Cách mạng tháng Tám, giải phóng hoàn toàn miền Bắc, chấm dứt ách thống trị của thực dân Pháp trong gần một thế kỷ.

- Cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi là một đòn giáng mạnh mẽ vào hệ thống thực dân, mở đầu cho sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ; đồng thời đập tan âm mưu của đế quốc Mỹ muốn thay chân Pháp nô dịch nhân dân các nước trên bán đảo Đông Dương.

- Thắng lợi đó đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, trước hết là ở châu Á, châu Phi, góp phần thu hẹp trận địa của chủ nghĩa đế quốc.

## CHƯƠNG IV

### SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG XHCN Ở MIỀN BẮC VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1954 – 1975)

#### I. Chuyển hướng chiến lược cách mạng của Đảng

##### 1. Đặc điểm đất nước Việt Nam sau tháng 7/1954

- Đất nước tạm thời bị chia làm hai miền.
- Ở miền Bắc, ngay sau khi hòa bình lập lại, nhân dân miền Bắc khẩn trương khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh và tiến hành thực hiện các nhiệm vụ còn lại của cách mạng dân tộc dân chủ nhằm tạo tiền đề đưa miền Bắc từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
- Ở miền Nam, lợi dụng sự thất bại và khó khăn của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ đã nhảy vào để thay chân Pháp nhằm biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ.
- Mỹ đã đưa Ngô Đình Diệm về Sài Gòn làm Thủ tướng Chính phủ bù nhìn thay Bửu Lộc.
- Sau khi dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm, Mỹ - Diệm đã liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét để bình định miền Nam. Chỉ tính đến cuối năm 1955, hàng chục vạn cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng đã bị bắt và bị giết hại.
- Xuất phát từ việc nhận thức sâu sắc tình hình thế giới và đặc điểm cơ bản của tình hình đất nước sau tháng 7-1954, trải nhiều hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị, chủ trương chiến lược cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới của Đảng đã từng bước hình thành.

##### 2. Chủ trương đưa miền Bắc quá độ lên CNXH và tiếp tục CMDCND ở miền Nam. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ ba của Đảng.

###### a. Chủ trương đưa miền Bắc quá độ lên CNXH

- Tháng 9-1954, Bộ Chính trị đã đề ra nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của miền Bắc là hàn gắn vết thương chiến tranh, phục hồi kinh tế quốc dân.
- Hội nghị lần thứ bảy tháng 3-1955 và lần thứ tám tháng 8-1955 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) đã nhận định: Muốn chống đế quốc Mỹ và tay sai, củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ, *điều cốt lõi là phải ra sức củng cố miền Bắc*, đồng thời giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam.
- Tháng 12-1957, Hội nghị lần thứ mười ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đánh giá thắng lợi về khôi phục kinh tế và *đề ra nhiệm vụ soạn thảo đường lối cách mạng trong giai đoạn mới*. Đến tháng 11-1958, Ban Chấp hành Trung ương

Đảng họp Hội nghị lần thứ mười bốn *đề ra kế hoạch ba năm phát triển kinh tế - văn hóa và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với kinh tế cá thể và kinh tế tư bản tư doanh (1958-1960)*.

- Hội nghị xác định cải tạo kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công và buôn bán nhỏ, tư bản tư doanh, chuyển sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất thành sở hữu tập thể xã hội chủ nghĩa dưới hai hình thức toàn dân và tập thể.

- Chủ trương đưa miền Bắc lên chủ nghĩa xã hội đã tạo nên những chuyển biến cách mạng trong nền kinh tế và xã hội ở miền Bắc nước ta. Miền Bắc được củng cố, từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội, trở thành hậu phương ổn định, vững mạnh đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

### **b. Tiếp tục CMDNCND ở miền Nam**

- Về cách mạng miền Nam, Nghị quyết Bộ Chính trị tháng 9-1954 nêu rõ: *Đế quốc Mỹ và tay sai đang mưu tính, phá hoại Hiệp định Giơnevơ nhằm chia cắt lâu dài Việt Nam. Cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam phải chuyển từ đấu tranh vũ trang sang đấu tranh chính trị. Nhiệm vụ của Đảng ở miền Nam trong giai đoạn mới là: "lãnh đạo nhân dân miền Nam đấu tranh thực hiện Hiệp định đình chiến, củng cố hòa bình, thực hiện tự do dân chủ,... cải thiện dân sinh, thực hiện thống nhất và tranh thủ độc lập..."*

- Thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị về tình hình và công tác của các đảng bộ miền Nam, tháng 10-1954, Xứ ủy Nam Bộ được thành lập, do Lê Duẩn, ủy viên Bộ Chính trị làm Bí thư.

- Từ thực tiễn cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam, tháng 8-1956, Lê Duẩn đã dự thảo *Đường lối cách mạng miền Nam*. Bản Đường lối cách mạng miền Nam được đưa ra thảo luận tại Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ họp tháng 12-1956.

- *Đường lối cách mạng miền Nam* là một trong những văn kiện quan trọng, góp phần vào sự hình thành đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam của Đảng.

- Tháng 1-1959, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ mười lăm. Trên cơ sở phân tích tình hình thế giới và trong nước, Nghị quyết Hội nghị chỉ rõ: *Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam; Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Đó là con đường lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp đấu tranh chính trị và vũ trang để đánh đổ chính quyền thống trị độc tài Ngô Đình Diệm, tay*

sai của đế quốc Mỹ, thành lập một chính quyền liên hiệp dân tộc, dân chủ ở miền Nam.

### c. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ ba của Đảng (9/1960)

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng họp tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 5 đến ngày 10-9-1960.

- Đại hội đã thảo luận và thông qua *Báo cáo chính trị* của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và thông qua Nghị quyết về *Nhiệm vụ và đường lối của Đảng trong giai đoạn mới*.

- Về đường lối chiến lược cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới:

Trên cơ sở phân tích tình hình và đặc điểm nước ta, Đại hội xác định nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới:

+ *Một là*, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

+ *Hai là*, tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.

- Đại hội còn xác định vị trí, vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng chiến lược cách mạng ở mỗi miền. Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam và đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam giữ vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

- Cuộc đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất nước nhà là nhiệm vụ thiêng liêng của nhân dân cả nước ta.

- Về đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, Đại hội xác định rằng, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là một quá trình cải biến cách mạng về mọi mặt.

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đã đề ra đường lối chung trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nước ta là: *Đoàn kết toàn dân, phát huy truyền thống của nhân dân ta và đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc ở miền Bắc và củng cố miền Bắc trở thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà*.

- Đại hội đã thảo luận và thông qua Điều lệ (sửa đổi) của Đảng, quyết định lấy ngày 3-2 làm ngày Kỷ niệm thành lập Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh được bầu lại làm Chủ tịch Đảng và Lê Duẩn được bầu làm Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

## II. Thực hiện các kế hoạch Nhà nước ở miền Bắc và đấu tranh chống Mỹ ở miền Nam (1954 – 1965)

### 1. Các kế hoạch nhà nước ở miền Bắc

- Ngay sau khi hòa bình được lập lại, Đảng đã lãnh đạo nhân dân miền Bắc khôi phục kinh tế và hoàn thành cải cách ruộng đất.

- Sau chiến tranh, nền kinh tế miền Bắc gặp nhiều khó khăn gay gắt, việc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh đã được khẩn trương thực hiện. Cụ thể là:

Trong khôi phục kinh tế, Đảng đặt trọng tâm là sản xuất nông nghiệp.

Sản xuất nông nghiệp được khôi phục và phát triển, nạn đói bị đẩy lùi, tạo điều kiện giải quyết những vấn đề cơ bản trong nền kinh tế quốc dân, kết quả này góp phần ổn định chính trị, trật tự an ninh xã hội.

Giao thông vận tải nhanh chóng được phục hồi, mọi hoạt động kinh tế ở miền Bắc đã ổn định. Các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế được phát triển nhanh.

- Hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở được xây dựng và củng cố, đã phát huy được hiệu lực trong việc hoàn thành nhiệm vụ khôi phục kinh tế và trong việc đập tan mọi âm mưu và thủ đoạn của bọn phản động chống đối chế độ mới.

- Đến tháng 7-1956, cải cách ruộng đất đã căn bản hoàn thành ở đồng bằng, trung du và 280 xã ở miền núi.

- Trong quá trình cải cách ruộng đất, bên cạnh những kết quả đạt được, Đảng ta đã phạm phải một số sai lầm nghiêm trọng, phổ biến và kéo dài trong chỉ đạo thực hiện.

- Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sai lầm là chủ quan, giáo điều, không xuất phát từ tình hình thực tiễn, nhất là những thay đổi quan trọng về quan hệ giai cấp, xã hội ở nông thôn miền Bắc sau ngày được hoàn toàn giải phóng.

- Sau khi miền Bắc hoàn thành kế hoạch ba năm (1958-1960), Đảng lãnh đạo Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) nhằm xây dựng bước đầu cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, tiếp tục đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

### 2. Nhân dân miền Nam đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai

- Sau khi hất cẳng Pháp, trực tiếp can thiệp vào miền Nam Việt Nam, đế quốc Mỹ đã biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, lập phòng tuyến để ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội xuống Đông Nam Á, thiết lập căn cứ quân sự để tiến công miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

- Bộ máy chính quyền, quân đội Sài Gòn đã trở thành công cụ tay sai đắc lực nhằm thi hành chính sách thực dân mới của Mỹ ở miền Nam Việt Nam.

- Về phía lực lượng cách mạng, sau khi chuyển quân tập kết ra miền Bắc theo Hiệp định Giơnevơ, tương quan lực lượng giữa ta và địch ở miền Nam có sự thay đổi lớn: Ta tuy có ưu thế về chính trị và lực lượng quần chúng nhân dân đông đảo nhưng không còn lực lượng vũ trang, không còn chính quyền.

- Xuất phát từ tương quan lực lượng giữa ta và địch cụ thể lúc này, Đảng đã quyết định thay đổi phương thức đấu tranh quân sự sang đấu tranh chính trị, lãnh đạo quần chúng đấu tranh đòi Mỹ - Diệm phải thi hành hiệp định, phải tổ chức hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước và đòi thực hiện các quyền dân sinh, dân chủ, chống mọi hành động khủng bố, đàn áp.

- Để giữ gìn lực lượng và duy trì hoạt động trong điều kiện quân thù khủng bố dã man, các đảng bộ ở miền Nam đã sắp xếp lại tổ chức và rút vào hoạt động bí mật.

- Trong những năm 1954 - 1957, do chính sách tàn bạo của Mỹ - Diệm, lực lượng cách mạng miền Nam bị tổn thất lớn. Song, nhờ chủ trương chuyển hướng kịp thời của Đảng và với tinh thần kiên định, dũng cảm của cán bộ, đảng viên và nhân dân miền Nam, cách mạng không bị tiêu diệt, trái lại đã trụ vững, từng bước khôi phục và phát triển.

- Từ năm 1958, Mỹ - Diệm càng đẩy mạnh khủng bố dã man, liên tiếp mở tiếp các cuộc hành quân càn quét.

- Ngày 1-12-1958, chúng đã giết hại hàng ngàn cán bộ cách mạng và đồng bào yêu nước ở trại giam Phú Lợi (Thủ Dầu Một). Tháng 3-1959, Diệm tuyên bố "đặt miền Nam trong tình trạng chiến tranh".

- Vào đầu năm 1959, một số cuộc nổi dậy của đồng bào các tộc ít người ở Tà Lốc, Tà Léc (Bình Định), ở Bác Ái (Ninh Thuận) phá Khu tập trung trở về buôn làng cũ. Ngày 28-8-1959, nhân dân các tộc người ở Trà Bồng đã vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền và khởi nghĩa đã nhanh chóng nổ ra ở các huyện Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ.

- Khởi nghĩa Trà Bồng và các huyện miền Tây Quảng Ngãi đã mở đầu cuộc khởi nghĩa từng phần nổ ra trên quy mô tương đối lớn góp phần làm phong phú thêm về phương thức và nghệ thuật khởi nghĩa từng phần giành chính quyền cơ sở chống lại ách thống trị của chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ ở miền Nam Việt Nam.

- Giữa lúc đó, Nghị quyết của Hội nghị lần thứ mười lăm Ban Chấp hành Trung ương Đảng về cách mạng Việt Nam ở miền Nam đã truyền đến các đảng bộ ở miền Nam. Nghị quyết mười lăm của Ban Chấp hành Trung ương đã vạch rõ phương



hướng đánh đổ chính quyền của đế quốc và phong kiến, giành chính quyền về tay nhân dân đã tạo đà cho cuộc khởi nghĩa từng phần nổ ra ngày càng rộng lớn.

- Ngày 17-1-1960, ở Bến Tre, cuộc khởi nghĩa bắt đầu bùng nổ ở huyện Mỏ Cày, sau đó lan ra các huyện Minh Tân, Giồng Trôm, Châu Thành, Ba Tri, Thạnh Phú, rồi nhanh chóng mở rộng ra khắp các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

- Đến cuối năm 1960, phong trào Đồng khởi đã làm tan rã cơ cấu chính quyền cơ sở địch ở nhiều vùng nông thôn.

- Từ thắng lợi của phong trào Đồng khởi, ngày 20-12-1960, tại xã Tân Lập (Tây Ninh), Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập.

- Thắng lợi của phong trào Đồng khởi là bước nhảy vọt lịch sử của cách mạng miền Nam.

- Do thất bại trong chiến tranh "đơn phương" nên ngay sau khi lên làm Tổng thống Hoa Kỳ, Kennodi đã chuyển sang chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam.

- Trên cơ sở phân tích, đánh giá tình hình giữa ta và địch ở miền Nam kể từ sau ngày Đồng khởi, trong cuộc họp tháng 1 năm 1961 và tháng 2 năm 1962, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã đề ra chủ trương chỉ đạo chính xác là *tiếp tục giữ vững tư tưởng chiến lược tiến công, đưa đấu tranh vũ trang phát triển lên song song với đấu tranh chính trị, tiến công địch trên cả ba vùng chiến lược: đô thị, nông thôn đồng bằng và nông thôn rừng núi, bằng ba mũi giáp công: quân sự, chính trị và binh vận.*

- Để tăng cường sự chỉ đạo của Trung ương Đảng đối với cách mạng miền Nam, tháng 10/1961, Trung ương Cục miền Nam được thành lập, Nguyễn Văn Linh được cử làm Bí thư Trung ương Cục.

- Cách mạng miền Nam đã có bước phát triển mới. Trên mặt trận quân sự ta đã thu được nhiều thắng lợi quan trọng.

- Với những chiến thắng dồn dập trên các mặt trận quân sự và chính trị của nhân dân miền Nam, đến cuối năm 1964 đã làm cho nửa triệu quân ngụy tử ra bắt lức, không đủ sức làm công cụ chủ yếu của "Chiến tranh đặc biệt".

- Từ tháng 11-1963 đến tháng 6-1965 đã diễn ra 10 cuộc đảo chính quân sự nhằm lật đổ lẫn nhau trong nội bộ chính quyền Sài Gòn.

- Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ được triển khai đến mức cao nhất đã hoàn toàn bị phá sản.

- Đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ là một thắng lợi to lớn nữa có ý nghĩa chiến lược của quân và dân ta ở miền Nam. Thắng lợi này tạo cơ sở vững chắc để đưa cách mạng miền Nam tiếp tục tiến lên.

### III. Nhân dân cả nước kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1965 - 1975)

#### 1. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng

- Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ ở miền Nam phát triển đến mức cao nhất đã căn bản bị thất bại.

- Với bản chất xâm lược ngoan cố của Mỹ, chúng đã chuyển sang thực thi chiến lược "Chiến tranh cục bộ", ồ ạt đưa quân viễn chinh của Mỹ và các nước đồng minh vào miền Nam, đồng thời mở rộng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc nước ta.

- Để chống lại cuộc "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp các Hội nghị lần thứ mười một (3-1965) và lần thứ mười hai (12-1965) để đánh giá tình hình mới và đề ra nhiệm vụ mới để lãnh đạo toàn Đảng, toàn quân và toàn dân Việt Nam đoàn kết chặt chẽ, quyết tâm đánh thắng quân xâm lược Mỹ, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất nước nhà.

- Trên cơ sở phân tích tình hình quốc tế và trong nước, tương quan so sánh lực lượng giữa ta và địch.

- Từ sự phân tích và nhận định trên, Trung ương khẳng định chúng ta có đủ điều kiện và sức mạnh để đánh Mỹ và thắng Mỹ.

- Phương châm chiến lược chung trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là: *Đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính, càng đánh càng mạnh, cần phải cố gắng đến mức độ cao, tập trung lực lượng của cả hai miền để mở những cuộc tiến công lớn, tranh thủ thời cơ giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn trên chiến trường miền Nam.*

- Về phương châm đấu tranh, Trung ương Đảng xác định: *Cần phải tiếp tục kiên trì phương châm kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, triệt để thực hiện ba mũi giáp công.*

- Tư tưởng chỉ đạo chiến lược là *giữ vững và phát triển thế tiến công, kiên quyết tiến công và liên tục tiến công.*

- Về mối quan hệ và nhiệm vụ cách mạng của hai miền Nam-Bắc, Trung ương Đảng chỉ rõ: *Trong cuộc chiến tranh chống Mỹ của nhân dân cả nước, miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc là hậu phương lớn. Phải nắm vững mối quan hệ giữa nhiệm vụ bảo vệ miền Bắc và giải phóng miền Nam.*

- Đối với miền Bắc, Trung ương Đảng chủ trương *chuyển hướng kinh tế, bảo đảm tiếp tục xây dựng miền Bắc vững mạnh.*

#### 2. Chuyển hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam

- *Chủ trương chuyển hướng và những nhiệm vụ cụ thể của miền Bắc.*

- Từ ngày 5-8-1964, sau khi dựng lên "Sự kiện vịnh Bắc Bộ" nhằm lấy cớ, để quốc Mỹ đã dùng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc nước ta.
- Trước tình hình đó, Nghị quyết Hội nghị lần thứ mười một và lần thứ mười hai của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) đã đề ra nhiệm vụ đối với miền Bắc là: *Tiếp tục xây dựng miền Bắc vững mạnh về kinh tế và quốc phòng trong điều kiện có chiến tranh, kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ để bảo vệ vững chắc miền Bắc xã hội chủ nghĩa, động viên sức người, sức của ở mức cao nhất để chi viện cho cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam, đồng thời tích cực chuẩn bị đề phòng để đánh bại địch trong trường hợp chúng liều lĩnh mở rộng "Chiến tranh cục bộ" ra cả nước.*
- Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã kịp thời xác định chủ trương chuyển hướng và nhiệm vụ cụ thể của miền Bắc cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ mới trong hoàn cảnh cả nước có chiến tranh.
- *Một là, phải kịp thời chuyển hướng xây dựng kinh tế.* Nội dung chuyển hướng kinh tế bao gồm: đẩy mạnh việc phát triển nông nghiệp, chú trọng phát triển công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp, xây dựng những xí nghiệp công nghiệp nhỏ và vừa, tích cực xây dựng và phát triển kinh tế theo từng vùng chiến lược quan trọng, làm cho mỗi vùng có khả năng tự giải quyết phần lớn nhu cầu ăn, mặc, ở, học tập, bảo vệ sức khỏe, bảo đảm đời sống nhân dân, phục vụ sản xuất, xây dựng và chiến đấu.
- *Hai là, phải tăng cường lực lượng quốc phòng* cho kịp với sự phát triển tình hình cả nước có chiến tranh.
- *Ba là, ra sức chi viện cho miền Nam với mức cao nhất để đánh bại địch ở chiến trường chính miền Nam.*
- *Bốn là, phải kịp thời chuyển hướng tư tưởng và tổ chức* đi đôi với việc chuyển hướng kinh tế và tăng cường quốc phòng cho *phù hợp với tình hình mới.*
- Sau bốn năm thực hiện chuyển hướng kinh tế, miền Bắc đã đạt được những thành tích đáng tự hào trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, chi viện đặc lực cho tiền tuyến lớn miền Nam.
- *Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội vẫn tiếp tục, làm cho miền Bắc ngày càng thêm vững mạnh.*
- Giữa lúc nhân dân ta đang nỗ lực khôi phục kinh tế ở miền Bắc và đẩy mạnh kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam thì ngày 2-9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, thọ 79 tuổi.
- Nhân dân miền Bắc đã khẩn trương bắt tay khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh và đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai do đế quốc Mỹ gây ra cho ta nhiều thiệt hại và nhiều khó khăn trong quá trình khôi phục kinh tế lần thứ hai.

- Mặc dù vậy, ngay sau Hiệp định Pari được ký kết (ngày 27-1-1973), miền Bắc đã thực sự có hoà bình, đây là một thuận lợi rất lớn đối với chúng ta. Trung ương Đảng đã đề ra kế hoạch hai năm khôi phục và phát triển kinh tế 1975 – 1975.

- Thực hiện nghị quyết của Đảng, nhân dân miền Bắc đã lao động hăng hái, khẩn trương, thực hiện có hiệu quả kế hoạch hai năm khôi phục và phát triển kinh tế. Đến năm 1975, hầu hết các cơ sở kinh tế đã trở lại hoạt động bình thường.

- Quá trình miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong 21 năm (1954 – 1975) nói riêng là một quá trình đặc biệt.

Trong hoàn cảnh khó khăn chồng chất như vậy, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân miền Bắc đã kiên trì phấn đấu không mệt mỏi, và đã đạt được nhiều thành tựu rất đáng tự hào về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, xã hội, đời sống, v.v..

- *Miền Bắc đã làm tròn nhiệm vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn miền Nam và hoàn thành tốt nghĩa vụ quốc tế.*

### **3. Lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam**

- Từ năm 1965 đến năm 1968 quân và dân ta đã đánh thắng chiến tranh cục bộ ở miền Nam và chiến tranh phá hoại lần thứ nhất ở miền Bắc.

- Vào đầu mùa khô 1965 - 1966, Bộ Chỉ huy quân sự Mỹ đã huy động 70 vạn quân, trong đó có gần 20 vạn quân Mỹ, mở cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất vào ba hướng chính: Tây Nguyên, đồng bằng khu V và miền Đông Nam Bộ bao gồm cả vùng ngoại thành Sài Gòn.

- Những trận đọ sức quyết liệt đầu tiên giữa quân và dân ta với quân viễn chinh Mỹ ở Núi Thành (Quảng Nam) tháng 5-1965, Vạn Tường (Quảng Ngãi) tháng 8-1965 đã giành được thắng lợi vang dội.

- Mọi cố gắng điên cuồng của Mỹ trong cuộc phản công mùa khô lần thứ nhất đều bị thất bại.

- Đến mùa khô 1966 - 1967, với lực lượng hùng hậu, gồm 39 vạn quân Mỹ, hơn 5 vạn quân các nước đồng minh và 54 vạn quân đội Sài Gòn cùng với 4.000 máy bay, 2.500 xe tăng và xe bọc thép, Mỹ đã mở cuộc phản công chiến lược lần thứ hai nhằm vào hướng từ Tây Nguyên đến Sài Gòn nhưng tất cả các cuộc hành quân quy mô lớn của chúng đều bị thất bại nặng nề.

- Trên mặt trận chống phá "binh định", quân và dân các vùng nông thôn kiên trì phương châm "ba bám" và đẩy mạnh "ba mũi giáp công", đã chặn đánh quyết liệt các cuộc hành quân càn quét và bình định của quân Mỹ và quân đội Sài Gòn.

- Ở miền Bắc, chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ bằng không quân và hải quân diễn ra khốc liệt, chúng đánh phá suốt ngày đêm.
- Mặc dù trong điều kiện chiến tranh ác liệt, quân và dân ta vẫn không hề nao núng, đã anh dũng chiến đấu để bảo vệ vững chắc miền Bắc.
- Đến cuối năm 1967, cuộc "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ đã được đẩy đến đỉnh cao, số quân viễn chinh đổ vào miền Nam đã lên 48 vạn, mọi thủ đoạn và biện pháp chiến tranh đã được sử dụng, thế nhưng, đế quốc Mỹ vẫn không sao thực hiện được các mục tiêu chính trị và quân sự đã đề ra.
- Tháng 12-1967, Bộ Chính trị đã ra một nghị quyết lịch sử, chuyển cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam sang thời kỳ mới, thời kỳ tiến lên giành thắng lợi quyết định bằng phương pháp tổng công kích - tổng khởi nghĩa vào tất cả các đô thị - dinh lũy của Mỹ và chính quyền Sài Gòn trên toàn miền Nam.
- Thực hiện quyết tâm chiến lược trên đây của Đảng, đêm 30 rạng ngày 31-1-1968, đúng vào dịp giao thừa Tết Mậu thân, thừa lúc địch sơ hở và hoàn toàn bất ngờ, cuộc tổng tiến công và nổi dậy đợt một đã được phát động trên toàn miền Nam từ vĩ tuyến 17 cho đến mũi Cà Mau.
- Cùng với các đợt tiến công tiếp theo trong tháng 5 và tháng 8-1968, quân và dân ta đã tiêu diệt và loại khỏi vòng chiến đấu hàng chục vạn tên địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, giải phóng thêm hàng triệu đồng bào.
- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân là một đòn tiến công chiến lược bất ngờ đã làm phá sản chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ.
- Với thất bại này đã làm đảo lộn thế chiến lược của Mỹ, làm lung lay ý chí xâm lược của chúng, buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh và ngồi vào bàn đàm phán với ta tại Hội nghị Pari (ngày 13-5-1968).
- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968) đã giành thêm một thắng lợi có ý nghĩa chiến lược nữa trong tiến trình phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam.
- Sau thất bại của chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam Việt Nam, Tổng thống Níchxơn tiếp tục cuộc chiến tranh ở miền Nam bằng chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh".
- Trong hai năm 1969-1970, sự phản kích ác liệt của Mỹ - nguy trong các chiến dịch bình định cấp tốc, xây dựng lại cơ sở hạ tầng của chủ nghĩa thực dân mới ở nông thôn đã gây cho ta nhiều khó khăn, tổn thất.
- Để củng cố tinh thần quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của quân và dân ta, ngày 1/1/1969, trong Thư chúc mừng năm mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi: "*Vì độc lập, vì tự do, đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào*"

- Thực hiện chủ trương của Đảng, được sự tăng cường lực lượng từ miền Bắc, quân và dân miền Nam anh dũng đồng loạt mở hai cuộc tiến công mùa Xuân và mùa Hè năm 1969, diệt hàng vạn tên, hỗ trợ nhân dân nhiều nơi nổi dậy giành quyền làm chủ. Tuy nhiên, sau các cuộc tiến công Xuân – Hè 1969, lợi dụng mùa mưa, địch tổ chức phản công gây cho ta nhiều khó khăn.

- Thực hiện chủ trương chỉ đạo của Trung ương Đảng trong những năm 1970 – 1971, cách mạng miền Nam đã vượt qua khó khăn gian khổ, kiên trì xây dựng và phát triển lực lượng, tiến công địch trên cả ba vùng chiến lược, đánh bại từng bước chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” và “Đông Dương hoá chiến tranh” của đế quốc Mỹ.

- Vào mùa xuân năm 1972, nhằm giành thắng lợi quyết định trong năm bầu cử tổng thống Mỹ, buộc đế quốc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh bằng thương lượng ở thế thua, quân ta đã mở cuộc tiến công chiến lược với quy mô lớn, cường độ mạnh được bắt đầu vào hướng chủ yếu là Trị - Thiên, đánh thẳng vào tuyến phòng ngự của địch ở Đường 9, tiếp theo là các hướng Tây Nguyên, miền Đông Nam Bộ rồi đến đồng bằng khu V và đồng bằng sông Cửu Long. Chỉ trong thời gian ngắn, quân và dân ta đã phá vỡ ba tuyến phòng ngự mạnh nhất của địch tại các địa bàn xung yếu Quảng Trị, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, hỗ trợ đắc lực cho nhân dân các địa phương nổi dậy giành quyền làm chủ.

- Thắng lợi của cuộc tiến công chiến lược năm 1972 đã làm thay đổi hẳn cục diện chiến tranh ở miền Nam.

- Cùng với thắng lợi ở miền Nam, quân và dân miền Bắc đã lập chiến công oanh liệt, đập tan cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B.52 của Mỹ trong 12 ngày đêm (ngày 18 đến ngày 30-12-1972) trên bầu trời Hà Nội, Hải Phòng và một số địa phương khác, buộc Mỹ phải trở lại bàn đàm phán để ký kết Hiệp định Pari.

- Vào ngày 27-1-1973 với “Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam” được ký kết.

- Với việc ký kết Hiệp định Pari, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam đã giành thêm thắng lợi hết sức to lớn và có tính chất quyết định.

- Từ cuối năm 1973 và cả năm 1974, quân và dân ta ở miền Nam đã liên tiếp giành được thắng lợi to lớn trên khắp các chiến trường, từ Trị - Thiên đến tây Nam Bộ và vùng ven Sài Gòn, phá vỡ từng mảng lớn kế hoạch “bình định” của địch, mở rộng thêm nhiều vùng giải phóng, tiêu diệt nhiều cụm cứ điểm.

- Đặc biệt, cuối năm 1974 đầu năm 1975, quân ta đánh chiếm thị xã Phước Long (ngày 6-11-1975), giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long, địch không còn khả năng đánh chiếm trở lại Phước Long. Tình thế này chứng tỏ quân chủ lực cơ động

của ta đã mạnh hơn hẳn quân chủ lực cơ động của địch, khả năng giải phóng hoàn toàn miền Nam đã chín muồi.

- Từ ngày 30-9 đến 8-10-1974, Hội nghị Bộ Chính trị đọt một bàn về chủ trương giải phóng hoàn toàn miền Nam. Đọt hai của Hội nghị Bộ Chính trị họp từ ngày 8-12-1974 đến ngày 7-1-1975 đã nhận định: Chưa bao giờ ta có điều kiện đầy đủ về quân sự, chính trị, có thời cơ chiến lược to lớn như hiện nay để hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc. Từ nhận định đó, Bộ Chính trị đề ra *quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam với kế hoạch hai năm 1975 - 1976* mà tinh thần là: Năm 1975 tranh thủ bất ngờ tấn công lớn và rộng khắp, tạo điều kiện để năm 1976 tiến hành tổng công kích - tổng khởi nghĩa, giải phóng hoàn toàn miền Nam. Ngoài kế hoạch nói trên, Bộ Chính trị còn dự kiến một phương hướng hành động linh hoạt là *nếu thời cơ đến, vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975*.

- Chấp hành quyết định chiến lược nói trên, cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 diễn ra trên toàn miền Nam, trong đó quyết định là ba đòn tiến công chiến lược. Đó là Chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế, Đà Nẵng, chiến dịch Hồ Chí Minh. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy đã diễn ra từ ngày 10-3 đến ngày 30-4-1975. Vào 11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975, lá cờ cách mạng pháp phới bay trên nóc Dinh Độc lập, cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 đã toàn thắng.

#### **IV. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa và kinh nghiệm lịch sử**

##### **1. Nguyên nhân thắng lợi**

- Thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước bắt nguồn từ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Thắng lợi đó là kết quả của cuộc chiến đấu đầy gian khổ hy sinh của nhân dân và quân đội cả nước.

- Thắng lợi đó cũng là kết quả của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, của đồng bào và chiến sĩ miền Bắc vừa chiến đấu vừa xây dựng, hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ của hậu phương lớn, hết lòng hết sức chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

- Thắng lợi đó còn là kết quả của tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân Việt Nam, Lào, Campuchia và kết quả của sự ủng hộ hết lòng và sự giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Sự ủng hộ nhiệt tình của phong trào công nhân và nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới cũng như nhân dân tiến bộ Mỹ.

## 2. Ý nghĩa lịch sử

- Với thắng lợi này, nhân dân ta đã quét sạch bọn đế quốc xâm lược, chấm dứt ách thống trị tàn bạo hơn một thế kỷ của chủ nghĩa thực dân cũ và mới trên đất nước ta. Cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã hoàn thành trên phạm vi cả nước, mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam: kỷ nguyên cả nước hòa bình, độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Bằng thắng lợi vĩ đại của mình, nhân dân ta đã đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn nhất, dài ngày nhất của chủ nghĩa đế quốc kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, làm suy yếu trận địa của chủ nghĩa đế quốc, phá vỡ một phòng tuyến quan trọng của chúng ở khu vực Đông Nam Á, mở đầu sự sụp đổ không thể tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân mới, góp phần tăng cường lực lượng của các nước xã hội chủ nghĩa, phong trào độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình thế giới.

## 3. Những kinh nghiệm lịch sử

- Một là, *giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội nhằm huy động sức mạnh toàn dân đánh Mỹ, cả nước đánh Mỹ.*

- Hai là, *Đảng đã tìm ra được phương pháp đấu tranh cách mạng đúng đắn, sáng tạo.*

- Ba là, *sự chỉ đạo chiến lược đúng đắn của Trung ương Đảng và công tác tổ chức chiến đấu tài giỏi của Đảng qua các cấp bộ Đảng và các cấp chỉ huy quân đội.*

- Bốn là, *Đảng ta hết sức coi trọng công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng cách mạng ở miền Nam và tổ chức xây dựng lực lượng chiến đấu trong cả nước.*



## CHƯƠNG V

CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC VÀ  
KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1954 – 1975)

## I. Cả nước quá độ lên CNXH và bảo vệ Tổ quốc (1975 – 2002)

## 1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (tháng 12-1976)

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng Đại hội họp từ ngày 14 đến ngày 20-12-1976 tại Hà Nội.

- Đại hội đã thông qua *Báo cáo chính trị, Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm 1976 - 1980, Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng*; quyết định đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành *Đảng Cộng sản Việt Nam*.

- *Báo cáo chính trị* đánh giá, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ mãi mãi đi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang sử chói lọi nhất và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX và để lại cho nhân dân ta nhiều bài học có giá trị to lớn.

- Tình hình nước ta trong thời kỳ phát triển mới, nổi bật với ba đặc điểm lớn:

+ Nước ta đang ở trong quá trình từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

+ Tổ quốc ta đã hòa bình, độc lập, thống nhất, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội với nhiều thuận lợi, song cũng còn nhiều khó khăn do hậu quả của cuộc chiến tranh và tàn dư của chủ nghĩa thực dân gây ra.

+ Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta tiến hành trong hoàn cảnh quốc tế thuận lợi, song cuộc đấu tranh "ai thắng ai" giữa cách mạng và phản cách mạng trên thế giới vẫn diễn ra gay go, quyết liệt.

- Đại hội xác định *đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa* trong giai đoạn mới ở nước ta là: *"Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động; tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.*

- Về *đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa*, Đại hội nêu rõ phải: Đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

- Trên cơ sở đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới, Đại hội đã xác định các nội dung về:

+ Phương hướng và nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm 1976 - 1980 phát triển và cải tạo kinh tế, văn hóa, phát triển khoa học, kỹ thuật.

- Đại hội quyết định bổ sung Điều lệ Đảng, đặt chức danh Tổng Bí thư thay chức danh Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng; bầu Ban Chấp hành Trung ương mới.

- Đại hội lần thứ IV của Đảng là đại hội toàn thắng của sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, khẳng định và xác định đường lối đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, con đường lịch sử mà Hồ Chí Minh đã chọn.

- Tuy nhiên, Đại hội chưa tổng kết được kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; chưa nhấn mạnh việc bức thiết phải làm sau chiến tranh là khắc phục hậu quả chiến tranh; đặc biệt là chưa xác định được chặng đường đầu tiên tiến lên chủ nghĩa xã hội.

## **2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (tháng 3-1982), thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm (1981 - 1985)**

### **a. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng**

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng đã họp từ ngày 27 đến ngày 31-3-1982 tại Thủ đô Hà Nội.

- Đại hội đã thảo luận và thông qua *Báo cáo chính trị, Báo cáo về phương hướng nhiệm vụ và những mục tiêu chủ yếu về kinh tế và xã hội trong 5 năm (1981-1985) và những năm 80, Báo cáo về xây dựng Đảng*.

- Đại hội đã nêu rõ trong giai đoạn mới của cách mạng, Đảng phải lãnh đạo nhân dân ta tiếp tục thực hiện hai nhiệm vụ:

+ Một là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội;

+ Hai là sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Hai nhiệm vụ đó có quan hệ mật thiết với nhau.

- Về xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đại hội đã vạch ra chiến lược kinh tế - xã hội, những kế hoạch phát triển, những chủ trương, chính sách và biện pháp thực thi trong từng chặng đường.

- Đại hội đã thông qua những nhiệm vụ kinh tế, văn hóa và xã hội, tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa, chính sách đối ngoại, nhiệm vụ nâng cao sức chiến đấu của Đảng...

- Nhiệm vụ then chốt của công tác xây dựng Đảng lúc này là: Tiếp tục nâng cao tính giai cấp công nhân, tính tiên phong của Đảng, xây dựng Đảng vững mạnh về

chính trị, tư tưởng và tổ chức, làm cho Đảng luôn luôn giữ vững bản chất cách mạng và khoa học, một đảng thực sự trong sạch, có sức chiến đấu cao, gắn bó chặt chẽ với quần chúng.

- Đại hội đã thông qua Điều lệ (sửa đổi) của Đảng và bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Đồng chí Lê Duẩn được bầu lại giữ chức Tổng Bí thư.

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ năm đã có những tìm tòi bước đi trên con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trước hết là về mặt kinh tế. Song, Đại hội chưa thấy được sự cần thiết phải duy trì nền kinh tế nhiều thành phần trong suốt thời kỳ quá độ.

### **b. Thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm 1981 – 1985**

- Từ sau Đại hội tình hình khủng hoảng kinh tế - xã hội vẫn tiếp tục diễn ra theo chiều hướng ngày càng nghiêm trọng và có mặt rất gay gắt. Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (12-1982) đã xác định phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội và đặt mức phấn đấu cụ thể từ năm 1983 đến năm 1985: Tập trung giải quyết nhu cầu ăn và mặc; hoàn thành xây dựng và đưa vào sử dụng một số công trình quan trọng; kiện toàn và nâng cao chất lượng của kinh tế quốc doanh; củng cố hoàn thiện quan hệ sản xuất trong nông nghiệp và thủ công nghiệp.

- Những yếu kém và khuyết điểm về tư tưởng và tổ chức là một trở ngại trên con đường thực hiện đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Vì vậy, tháng 6-1983, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương đã đề ra những nhiệm vụ công tác tư tưởng và tổ chức cấp bách cần tập trung giải quyết.

- Vào cuối tháng 12-1983, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp bàn về phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1984 và mức phấn đấu năm 1985.

- Tiếp đến tháng 12-1984, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp bàn về phương hướng kinh tế - xã hội năm 1985 và phương hướng xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện.

- Tháng 6-1985, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp bàn về giá - lương - tiền.

- Sau thời gian thực hiện các nghị quyết 6, 7, 8 của Trung ương, nền kinh tế nước ta đã đạt được một số tiến bộ.

- Từ năm 1982 đến năm 1986, quán triệt Nghị quyết Đại hội lần thứ V và các nghị quyết sau đó của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, toàn Đảng, toàn dân ta đã phấn đấu gian khổ, vượt qua nhiều thử thách trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Những thành tựu đạt được trong năm năm đó đã tạo cho sự nghiệp cách mạng của nước ta những điều kiện mới để tiếp tục tiến lên. Đó là:

+ Về kinh tế, đã chặn được đà giảm sút những năm trước.  
 + Về văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao... đã có những tiến bộ góp phần xây dựng nền văn hóa mới, con người mới.

+ Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc đã giành được những thắng lợi to lớn.  
 - Nhưng đất nước thời kỳ này đang phải đối mặt với cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội. Nguyên nhân chủ quan của tình hình trên là những sai lầm nghiêm trọng về chủ trương, chính sách lớn; về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện của Đảng và của Nhà nước.

## II. Thực hiện đường lối đổi mới, tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước (1986 – 2002)

### 1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12-1986) và thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm (1986-1990)

#### a. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng

- Đại hội họp từ ngày 15 đến ngày 18-12-1986 tại Hà Nội.  
 - Đại hội đã thảo luận và thông qua Nghị quyết về các văn kiện như *Báo cáo chính trị: Phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1986 – 1990; Báo cáo về bổ sung Điều lệ Đảng.*

- Đại hội đã đánh giá những thành tựu, những khó khăn của đất nước do cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội tạo ra, những sai lầm kéo dài của Đảng về chủ trương, chính sách lớn, về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện khuynh hướng tư tưởng chủ yếu của những sai lầm đó, đặc biệt là sai lầm về kinh tế là bệnh chủ quan duy ý chí, lối suy nghĩ sai lầm về hành động đơn giản, nóng vội chạy theo nguyện vọng chủ quan.

- Báo cáo chính trị tổng kết thành bốn bài học kinh nghiệm lớn:

+ Một là, trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”.

+ Hai là, Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan.

+ Ba là, phải biết kết hợp sức mạnh dân tộc sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.

+ Bốn là, chăm lo xây dựng Đảng ngang tầm với một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- Báo cáo xác định *nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế- xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo.*

- Mục tiêu cụ thể về kinh tế - xã hội cho những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là:

- + Sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy.
  - + Bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý, trong đó đặc biệt chú trọng ba chương trình kinh tế lớn là lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.
  - + Tạo ra chuyển biến về mặt xã hội, việc làm, công bằng xã hội, chống tiêu cực, mở rộng dân chủ, giữ kỷ cương phép nước.
  - + Bảo đảm nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh. Đại hội đã nêu ra năm phương hướng cơ bản của chính sách kinh tế - xã hội và đề ra hệ thống các giải pháp để thực hiện mục tiêu: Bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư;
  - + Xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế. Coi nền kinh tế có nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ;
  - + Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế;
  - + Phát huy động lực của khoa học - kỹ thuật;
  - + Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.
- Về huy động sức mạnh của quần chúng, Đại hội xác định phải phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thực hiện khẩu hiệu "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra".

- Để tăng cường sức chiến đấu và năng lực tổ chức thực hiện của Đảng, Đại hội nêu rõ Đảng phải đổi mới về nhiều mặt: đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế.

- Đại hội đã thông qua bản Điều lệ Đảng (sửa đổi) và bầu Ban Chấp hành Trung ương khoá VI. Nguyễn Văn Linh được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng. Đại hội VI của Đảng là Đại hội kế thừa và quyết tâm đổi mới, đoàn kết để tiến lên.

### **b. Thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm (1986-1990)**

- Trên cơ sở đường lối đổi mới của Đại hội VI, căn cứ vào hoàn cảnh quốc tế và tình hình cụ thể của đất nước, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng tiếp tục đề ra những chủ trương và biện pháp để thực hiện nhiệm vụ ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo.

- Để thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới, đưa đất nước ta thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, điều kiện tiên quyết là giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, tạo môi trường quốc tế thuận lợi, phá thế bị bao vây, cấm vận, xây dựng Đảng ngang tầm yêu cầu và nhiệm vụ của công cuộc đổi mới.

- Ngày 7-2-1987, Bộ Chính trị họp thảo luận về những biện pháp cấp bách nhằm giải quyết vấn đề giá - lương - tiền.

- Ngày 1-3-1987, Hội đồng Bộ trưởng đã ra quyết định giải thể các trạm kiểm soát hàng hóa trên các đường giao thông nhằm thúc đẩy lưu thông.

- Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế là một bộ phận quan trọng trên lĩnh vực chỉ đạo kinh tế của Đảng. Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tháng 8-1987 đã quyết định về: "*chuyển hoạt động của các đơn vị kinh tế cơ sở quốc doanh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế*".

- Ngày 12-9-1987, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết *Về cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội*.

- Đến đầu năm 1989, qua hai năm thực hiện công cuộc đổi mới đã đem lại những kết quả bước đầu, song chưa đồng bộ và cơ bản.

- Đất nước vẫn nằm trong tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội.

- Để giữ vững ổn định chính trị, tháng 8-1989 Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương Nghị quyết về *Một số vấn đề cấp bách về công tác tư tưởng trước tình hình trong nước và quốc tế hiện nay*.

- Hội nghị cũng đã thảo luận và thông qua Nghị quyết *Về tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đẩy mạnh công cuộc đổi mới*.

- Đến năm 1990, tình hình kinh tế - xã hội của ta đã có một số chuyển biến tốt nhưng vẫn còn yếu kém.

- Tháng 11-1990, Hội nghị lần thứ mười họp thông qua Nghị quyết *Về phương hướng chỉ đạo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1991*.

- Từ tháng 12-1986 đến tháng 6-1991, sau hơn bốn năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, chúng ta đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng. Đó là:

+ Tình hình chính trị của đất nước ổn định. Nền kinh tế có những chuyển biến tích cực.

+ Sinh hoạt dân chủ trong xã hội ngày càng được phát huy.

+ Quốc phòng được giữ vững, an ninh quốc gia được bảo đảm.

- Những điểm nêu trên chứng tỏ đường lối đổi mới của Đại hội VI đề ra là đúng, bước đi của công cuộc đổi mới về cơ bản là phù hợp. Đó là cơ sở quan trọng để chúng ta tiếp tục tiến lên trong những năm tiếp theo.

- Bên cạnh thành tựu bước đầu đã đạt được, đất nước còn nhiều yếu kém và khó khăn chưa vượt ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhiều vấn đề kinh tế - xã hội nóng bỏng vẫn chưa được giải quyết, công cuộc đổi mới còn nhiều hạn chế.

## **2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (tháng 6-1991) và thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm (1991-1996)**

### **a. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng**

- Đại hội họp từ ngày 24 đến ngày 27-6-1991 tại Hà Nội.

- Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nguyễn Văn Linh đọc *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương về các văn kiện Đại hội VII. Đại hội đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, Báo cáo chính trị, Báo cáo xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng, kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương khoá VI.*

- *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* được Đại hội thông qua đã trình bày: Đánh giá tổng quát quá trình cách mạng Việt Nam và nêu lên bài học kinh nghiệm lớn; quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; những định hướng lớn về chính sách kinh tế, xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại; hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng.

- *Cương lĩnh* đã trình bày quan niệm của Đảng Cộng sản Việt Nam về chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta xây dựng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ; những đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội:

+ Do nhân dân lao động làm chủ.

+ Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.

+ Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

+ Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.

+ Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.

+ Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

- *Cương lĩnh* đã nêu những định hướng lớn về chính sách kinh tế, xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại.

- Về hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng, *Cương lĩnh* nêu rõ:

+ Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước Việt Nam trong

giai đoạn mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

+ Trong hệ thống chính trị, Đảng Cộng sản Việt Nam là một bộ phận và là tổ chức lãnh đạo hệ thống đó.

- *Mục tiêu tổng quát của chiến lược đến năm 2000* là ra khỏi khủng hoảng, ổn định tình hình kinh tế - xã hội, phấn đấu vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển, cải thiện đời sống của nhân dân, củng cố quốc phòng và an ninh, tạo điều kiện cho đất nước phát triển nhanh hơn vào đầu thế kỷ XXI.

- *Báo cáo chính trị* nêu những phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu của 5 năm (1991-1995) với mục tiêu tổng quát là vượt khó khăn, thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay.

- *Báo cáo về xây dựng Đảng* xác định nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng là: Phát huy truyền thống cách mạng, tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng; xây dựng Đảng thật sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

- Đại hội thông qua Điều lệ Đảng (sửa đổi), trong đó: khẳng định cùng với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng.

- Đại hội VII của Đảng là "Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương - đoàn kết".

### **b. Thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm (1991-1996)**

- Từ sau Đại hội VII, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến nhanh chóng và phức tạp.

- Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp từ ngày 25-11 đến ngày 4-12-1991 đã bàn về vấn đề ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, xác định quan điểm, chủ trương thực hiện Nghị quyết Đại hội VII và việc sửa đổi Hiến pháp.

- Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp từ ngày 18 đến ngày 29-6-1992 đã nghiên cứu và quyết định ba vấn đề quan trọng về: tình hình thế giới và chính sách đối ngoại; củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia; đổi mới và chỉnh đốn Đảng.

- Để giải quyết một số vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, chuẩn bị hành trang cho nhân dân ta, đặc biệt cho thế hệ trẻ tiến vào thế kỷ XXI, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp từ ngày 4 đến ngày 14-1-1993 đã ra nghị quyết:

+ Về một số nhiệm vụ văn hoá, văn nghệ những năm trước mắt.



- + Về tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục đào tạo.
- + Về những vấn đề cấp bách của sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

- + Về chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình.
- + Về công tác thanh niên trong thời kỳ mới.

- Hội nghị lần thứ V của Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp từ ngày 3 đến ngày 10-6-1993 nghiên cứu sâu hơn về thực trạng nông nghiệp và nông thôn, đã quyết định những chủ trương để đưa nông nghiệp và nông thôn, tiến nhanh và vững chắc hơn.

- Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp từ ngày 24-11 đến 1-2-1993 đã thảo luận các văn kiện để trình Hội nghị, bầu bổ sung bốn uỷ viên Trung ương Đảng vào Bộ Chính trị và cách chức một Uỷ viên Trung ương và chuẩn bị nhân sự để Hội nghị bầu bổ sung Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

- Từ ngày 20 đến ngày 25-1-1994 tại Hà Nội, 647 đại biểu đã dự *Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ* của Đảng.

- Kể từ tháng 6-1991 đến nửa năm đầu năm 1995, toàn Đảng, toàn dân ta dưới sự lãnh đạo và tổ chức của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, chúng ta đã vượt qua những khó khăn, thách thức vô cùng gay gắt, giành được nhiều thắng lợi mới to lớn. Đó là:

- + Đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế, hoàn thành vượt mức nhiều mục tiêu chủ yếu của kế hoạch năm năm.

- + Tạo được một số chuyển biến tích cực về mặt xã hội. Giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh. Thực hiện có kết quả một số đổi mới quan trọng về hệ thống chính trị.

- + Phát triển mạnh mẽ quan hệ đối ngoại, phá thế bị bao vây cấm vận, tham gia tích cực vào đời sống cộng đồng quốc tế.

- Từ thực tiễn của sự nghiệp đổi mới 10 năm đã qua cho thấy con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn.

### **3. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng và thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm (1996-2000)**

#### **a. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng**

- Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã họp từ ngày 28-6 đến ngày 1-7-1996 tại Hà Nội.

- Đại hội đã thảo luận và thông qua các văn kiện: *Báo cáo chính trị; Phương hướng nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (1996-2000); Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi)*. Đại hội đã kiểm điểm, đánh giá kết quả 5 năm thực hiện

Nghị quyết Đại hội VII và đánh giá tổng quát trong 10 năm đổi mới, Đại hội rút ra sáu bài học chủ yếu sau:

+ Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị.

+ Xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái.

+ Mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của cả dân tộc.

+ Mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại.

+ Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.

- Xuất phát từ đặc điểm tình hình thế giới và trong nước, căn cứ vào cương lĩnh của Đảng, Đại hội quyết định cần tiếp tục nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đến năm 2020, ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp.

- Để bảo đảm thực hiện mục tiêu, Đại hội VIII đề ra những định hướng phát triển các lĩnh vực chủ yếu:

+ Tiếp tục phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

+ Nắm vững chính sách đối với các thành phần kinh tế.

+ Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

+ Phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo.

+ Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

+ Giải quyết một số vấn đề xã hội.

+ Thực hiện đại đoàn kết dân tộc, nâng cao vai trò làm chủ của nhân dân, xây dựng cơ chế cụ thể, thực hiện "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra".

+ Tăng cường quốc phòng và an ninh. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại. - Tiếp tục cải cách bộ máy nhà nước, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đẩy mạnh đấu tranh chống tham nhũng.

- Đại hội thông qua Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam đã được bổ sung, sửa đổi. Đỗ Mười được bầu lại là Tổng Bí thư Đảng.

- Đại hội VIII đánh dấu bước ngoặt chuyển đất nước ta sang thời kỳ mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

### **b. Thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm (1996 - 2000)**

- Sau Đại hội VIII là thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước để phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Để thực hiện nhiệm vụ hàng đầu đó, Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) (tháng 12-1996) đã thông qua hai Nghị quyết quan trọng.

- Một là, Nghị quyết *Về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000.*

- Hai là, Nghị quyết *Về định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000.*

- Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bảo đảm cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ nước ta thật sự là "quốc sách hàng đầu".

- Tiếp đến tháng 6-1997, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thông qua hai Nghị quyết quan trọng. Nghị quyết về *Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh.*

- Nghị quyết *Về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.*

- Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 12-1997) đã tập trung trí tuệ bàn về các nhiệm vụ kinh tế và một số vấn đề xã hội liên quan, để tiếp tục cụ thể hóa đường lối chủ trương của Đại hội VIII.

- Hội nghị bầu Lê Khả Phiêu làm Tổng Bí thư của Đảng.

- *Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* đã được Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII (tháng 7-1998) bàn thảo.

- Thực hiện nhiệm vụ cải cách nhà nước, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII (tháng 8-1999) ra Nghị quyết *Một số vấn đề về tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị và tiền lương, trợ cấp xã hội thuộc ngân sách Nhà nước.*

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, từ năm 1996 đến năm 2000, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã đạt được những thành tựu quan trọng:

+ Kinh tế tăng trưởng khá. Tổng sản phẩm trong (GDP) tăng bình quân hàng năm 7%.

- + Các dịch vụ, xuất khẩu và nhập khẩu đều phát triển.
- + Văn hóa, xã hội có những tiến bộ; đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện.

Giáo dục và đào tạo phát triển về quy mô và cơ sở vật chất.

- + Trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên.
- + Tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định; quốc phòng và an ninh được

tăng cường.

+ Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được chú trọng; hệ thống chính trị được củng cố.

- + Quan hệ đối ngoại không ngừng được mở rộng.

- Những thành tựu của 5 năm 1996 - 2000 đã tăng cường sức mạnh tổng hợp, làm thay đổi bộ mặt của đất nước và cuộc sống của nhân dân, củng cố vững chắc độc lập dân tộc và chế độ xã hội chủ nghĩa, nâng cao vị thế và uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

- Bên cạnh khẳng định những thành tựu đó, quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII cũng bộc lộ những *yếu kém, khuyết điểm*: Nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp. Tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng.

#### **4. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (tháng 4-2001)**

##### **a. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng**

- Bước vào thế kỷ XXI, cách mạng nước ta vừa đứng trước thời cơ vận hội lớn, vừa phải đối mặt với những nguy cơ và thách thức không thể xem thường.

- Với tinh thần tiến công cách mạng tiếp tục trên con đường đổi mới, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã được triệu tập. Đại hội họp từ ngày 19 đến ngày 22-4-2001 tại Hà Nội.

- Chủ đề của Đại hội là: *Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.*

- Đại hội IX đã thông qua *Báo cáo chính trị; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010; Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2005; Báo cáo về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng; Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII; Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2).*

- Đại hội đã đánh giá:

- + Thế kỷ XX ghi đậm trong lịch sử loài người những dấu ấn cực kỳ sâu sắc.
- + Đối với nước ta, thế kỷ XX là thế kỷ của những biến đổi to lớn, thế kỷ đầu

tranh oanh liệt giành lại độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, thế kỷ của những chiến công và thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại.

- Qua 15 năm (1986 - 2001) đổi mới đã đạt được những *thành tựu* quan trọng làm thay đổi bộ mặt của đất nước và cuộc sống của nhân dân, củng cố vững chắc độc lập dân tộc và chế độ xã hội chủ nghĩa, nâng cao vị thế và uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

- Đại hội khẳng định những bài học do các Đại hội VI, VII, VIII của Đảng nêu lên đến nay vẫn còn có giá trị, nhất là những bài học chủ yếu sau đây:

+ *Một là*, trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

+ *Hai là*, đổi mới phải dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn luôn sáng tạo.

+ *Ba là*, đổi mới phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

+ *Bốn là*, đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới.

- *Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.*

- *Về đường lối kinh tế và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội*, Đại hội nêu rõ:

+ Về đường lối kinh tế của Đảng là đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp.

+ Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 nhằm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân. Tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại

- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 là bước rất quan trọng trong việc thực hiện chiến lược 10 năm 2001 - 2010 nhằm tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân.

- Để thực hiện đường lối mục tiêu chiến lược nêu trên, Đảng chủ trương:

+ Phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trung tâm;

+ Phát triển kinh tế nhiều thành phần gồm kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

+ Tiếp tục tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường; đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước.

+ Giải quyết tốt các vấn đề xã hội.

- Đại hội tiếp tục thực hiện chủ trương phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc .

- Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) gồm 150 uỷ viên. Nông Đức Mạnh được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.

- Đại hội lần thứ IX của Đảng là Đại hội của trí tuệ, dân chủ, đoàn kết, đổi mới, thể hiện ý chí kiên cường và niềm hy vọng lớn lao của cả dân tộc trong thời điểm lịch sử trọng đại bước vào thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới.

### **b. Thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm 2001-2006**

- Từ sau Đại hội IX, toàn Đảng, toàn dân đã phát huy trí tuệ và năng lực thực hiện Nghị quyết của Đại hội. Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thực hiện chương trình triển khai các hội nghị định kỳ để bàn luận và ra các nghị quyết để cụ thể hóa Nghị quyết của Đại hội, từng bước đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo.

- Về nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước đã được Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9-2001) bàn thảo.

- Tháng 2-2002, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết *Về đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001 - 2010*.

- Vấn đề tiếp tục thực hiện phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ đến năm 2005 và đến 2010, Ban Chấp hành Trung ương bàn thảo tại *Hội nghị lần thứ sáu (7-2002)*.

- Hội nghị lần thứ tám (tháng 7-2003) Ban Chấp hành Trung ương đã họp, nghiên cứu cục diện thế giới và tình hình trong nước, ra Nghị quyết về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

- Đến tháng 1-2004, Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp để kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đồng thời nêu lên những nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội trong những năm tiếp theo.

- Đầu năm 2005, Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) họp tại Hà Nội (từ ngày 17 – 25-1-2005) nhằm chuẩn bị các văn kiện cho Đại hội X của Đảng.

- Hội nghị đã đánh giá những thành tựu to lớn qua 4 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và dự báo về khả năng thực hiện nhiệm vụ năm 2005.

- Ban Chấp hành Trung ương nhất trí rằng, thành tựu đạt được của 20 năm đổi mới là to lớn, toàn diện và có ý nghĩa lịch sử trên cả hai mặt thực tiễn và lý luận.

- Quyết tâm to lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam trong 5 năm sắp tới là: "Ra sức nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh đổi mới toàn diện và đồng bộ, phấn đấu đạt bằng được mục tiêu đến năm 2010 sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại".

## CHƯƠNG VI

### Ý NGHĨA CỦA THẮNG LỢI VÀ NHỮNG BÀI HỌC LỊCH SỬ CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

#### I. Ý nghĩa của thắng lợi cách mạng Việt Nam (1930 – 2002)

##### 1. Cuộc cách mạng Tháng Tám năm 1945 thắng lợi lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà

- Thành công của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và sự thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là kết quả tổng hợp của các phong trào cách mạng của dân tộc Việt Nam do Đảng tổ chức và lãnh đạo diễn ra trong 15 năm từ sau khi Đảng ra đời.

- Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã mở ra một kỷ nguyên mới của dân tộc Việt Nam – kỷ nguyên độc lập tự do.

- Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và sự thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã khẳng định trong thực tiễn tư tưởng cách mạng dân tộc và khởi nghĩa dân tộc của Hồ Chí Minh nêu ra trong những năm 20 của thế kỷ XX và đường lối cứu nước giải phóng dân tộc của Đảng vạch ra là đúng đắn.

##### 2. Thắng lợi của cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ tổ quốc

- Vừa giành được chính quyền về tay nhân dân chưa đầy một tháng, ngày toàn thể dân tộc Việt Nam phải bắt đầu một cuộc chiến đấu mới chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và các thế lực thù địch trong hơn 30 năm để giải phóng dân tộc và bảo vệ tổ quốc.

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ trong hơn 30 năm chiến tranh đã khẳng định một chân lý lịch sử là một dân tộc đất không rộng lắm, người không đông nếu có Đảng Cộng sản chân chính lãnh đạo biết đề ra đường lối đúng, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, có phương thức tiến hành chiến tranh sáng tạo, được sự ủng hộ của nhân dân thế giới, hoàn toàn có thể chiến thắng bất cứ kẻ thù xâm lược nào cho dù chúng có nhiều phương tiện chiến tranh.

##### 3. Thắng lợi bước đầu trong sự nghiệp đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh

- Thắng lợi của nhân dân ta sau hơn 30 năm chiến tranh đánh bại các thế lực xâm lược hùng mạnh nhất đã đưa nhân dân ta vào một thời kỳ mới – cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

- Với bản lĩnh chính trị vững vàng được tôi luyện qua thử thách chiến đấu vì độc lập tự do vì chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam đã kiên trì tìm tòi đề ra đường lối đổi mới.



- Thắng lợi của sự nghiệp đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo đã giành được thắng lợi quan trọng tạo tiền đề vững chắc đưa dân tộc ta vững chắc bước vào thế kỷ XXI.

## **II. Những bài học lịch sử**

### **1. Năm vững và gương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội**

- Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là bài học, xuyên suốt quá trình cách mạng Việt Nam.

- Đặt cách mạng giải phóng dân tộc vào quỹ đạo cách mạng vô sản là một sự lựa chọn đúng đắn, sáng suốt của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh. Song, ở một nước vốn là thuộc địa, muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội, trước tiên phải tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc, giành được độc lập dân tộc.

- Cách mạng giải phóng dân tộc là bước đi tất yếu để tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cách mạng xã hội chủ nghĩa tuy là phương hướng tiến lên trong tương lai, nhưng lại có ảnh hưởng quyết định đến tính chất triệt để và sức mạnh của cách mạng giải phóng dân tộc.

- Cách mạng Tháng Tám 1945 là thắng lợi rực rỡ của tư tưởng cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản của Hồ Chí Minh.

- Từ năm 1954 đến năm 1975, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội thể hiện ở đường lối tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng. Đó là cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, nhằm thực hiện mục tiêu chung là hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là kết quả của việc Đảng ta đã vận dụng một quy luật độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội một cách sáng tạo vào điều kiện cụ thể nước ta trong những năm 1954 – 1975.

- Khi cả nước đã giành được độc lập, thống nhất, nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội đã được đặt lên hàng đầu vì một Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đó là sức mạnh để củng cố và bảo vệ Tổ quốc bền vững. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa gắn liền với nhau, tư tưởng chiến lược đó xuyên suốt trong mọi hoạt động của Đảng trong thời kỳ quá độ xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

### **2. Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì dân**

- Trong suốt tiến trình cách mạng Việt Nam, Đảng, Nhà nước ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khẳng định trong tư duy chính trị cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Cách mạng chỉ có thể giành được thắng lợi nếu được quần chúng nhân dân tham gia, cách mạng là ngày hội của quần chúng lao động.

- Sức mạnh của chính quyền là sức mạnh của nhân dân.
- Nhận thức được vị trí, vai trò của sức mạnh quần chúng nhân dân, từ khi tiến hành công cuộc đổi mới đất nước đến nay, Đảng và Nhà nước ta luôn chú trọng phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

### **3. Không ngừng củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân**

- Đại đoàn kết dân tộc là một truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam.
- Thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám chính là kết quả của chiến lược toàn dân nổi dậy từ dưới lên trên trong cả nước.
- Để thực hiện đại đoàn kết toàn dân, phải luôn đứng vững trên lập trường của giai cấp vô sản, giai cấp tiêu biểu cho lợi ích của những người lao động và lợi ích của dân tộc, không bao giờ được tách rời lợi ích chung của dân tộc với lợi ích riêng của giai cấp mình.
- Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm, theo dõi, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa củng cố khối liên minh công, nông, trí thức và liên minh với các giai cấp, tầng lớp nhân dân, các cá nhân yêu nước để không ngừng mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi dưới lãnh đạo của Đảng.

### **4. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế**

- Một nhân tố cơ bản tạo nên sức mạnh của cách mạng Việt Nam là đoàn kết quốc tế, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại.
- Cuộc đấu tranh của nhân dân ta vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội không tách rời cuộc đấu tranh chung của nhân dân các nước vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

### **5. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu đảm bảo thắng lợi của cách mạng Việt Nam**

- Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, từ khi ra đời cho đến nay đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam vượt muôn vàn khó khăn, giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước và giành được nhiều thắng lợi trong công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.
- Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi mới ra đời đã đảm nhận sứ mệnh là người lãnh đạo duy nhất cách mạng nước ta. Đảng là người đại biểu trung thành cho lợi ích cao nhất của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.
- Sự lãnh đạo của Đảng được thực hiện thông qua năng lực tuyên truyền, thuyết phục, vận động và tổ chức quần chúng thực hiện Cương lĩnh, chiến lược, đường lối của Đảng, biến Cương lĩnh, chiến lược, đường lối thành hiện thực cuộc sống của toàn Đảng, toàn dân. Vì vậy, Đảng luôn luôn chăm lo xây dựng Đảng về tư tưởng, chính

trị và tổ chức, đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên về cả tư tưởng, chính trị, đạo đức và năng lực tổ chức để Đảng thực sự là đội tiên phong có tổ chức và là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân, của dân tộc, hiện thân của trí tuệ, danh dự và lương tâm của cả dân tộc.

- Là người lãnh đạo và đầy tớ trung thành của nhân dân, Đảng Cộng sản Việt Nam đang đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng trong sạch vững mạnh, đủ sức lãnh đạo sự nghiệp trong tình hình mới.

- Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam được ghi rõ trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* của Đảng Cộng sản Việt Nam.